



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

2

Tháng 1 - 2012

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng chúc Tết Đảng bộ và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, dự Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm 2012 của Sở Xây dựng Vĩnh Phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2012



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng chúc Tết Tỉnh ủy, UBND tỉnh Vĩnh Phúc



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tặng Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Xây dựng cho ngành Xây dựng Vĩnh Phúc

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BA

2

SỐ 2 - 1/2012



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 03/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg 5
- Chỉ thị số 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp triển khai chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế 6
- Chỉ thị số 02/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản 7
- Quyết định số 27/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2015 8
- Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020 10
- Quyết định số 79/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên đến năm 2015 11

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 4141/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020 13
- Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng (sửa chữa) các công trình xây dựng cơ bản dưới 200 triệu đồng và trang thiết bị, phương tiện dưới 100 triệu đồng bằng nguồn vốn Ngân sách nhà nước 14
- Chỉ thị số 03/2012/CT-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về tăng cường thực hiện các quy định của pháp luật về nhà ở trên địa bàn tỉnh Long An 15

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:
 - + Nghiên cứu hướng dẫn thiết kế quy hoạch xây dựng ngầm đô thị 17
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận Thị trấn Thăng mở rộng là đô thị loại IV 19
- Một số kinh nghiệm về thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận 21
- Thành phố Bắc Kinh: Sáng tạo cơ chế mới - tăng cường quản lý giám sát việc vận hành kinh doanh hệ thống xử lý rác thải 23
- Phân tích đặc điểm các sự cố sụp đổ công trình xây dựng ở Trung Quốc giai đoạn 2001 - 2010 26
- Ứng dụng quản lý thông tin trong xây dựng đô thị 29
- Xây dựng các thành phố trên sa mạc 31

Thông tin

- Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đi thăm và chúc Tết Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, dự Hội nghị triển khai nhiệm vụ công tác năm 2012 của Sở Xây dựng Vĩnh Phúc 35
- Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng dự Lễ phát động Tết trồng cây Xuân Nhâm Thìn và khởi công xây dựng Khu đô thị Đặng Xá II tại huyện Gia Lâm, Hà Nội 36
- Hội nghị tổng kết công tác năm 2011 của Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản 37
- Công tác sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước của Bộ Xây dựng 39
- Thành phố Matxcova và vấn đề bảo vệ di tích lịch sử 43



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 03/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg

Ngày 16/01/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 03/2012/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo Quyết định này, Quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam được đổi tên thành Quy chế quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Quy chế 87. Cụ thể:

Về đối tượng và phạm vi áp dụng tại Điều 1 của Quy chế, Quy chế này áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam trong các lĩnh vực lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng, cung cấp vật tư - thiết bị công nghệ kèm theo dịch vụ kỹ thuật liên quan đến công trình xây dựng. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo Điều ước quốc tế đó.

Về hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thầu (Điều 5 của Quy chế) được sửa đổi, bổ sung: để được xem xét cấp giấy phép thầu tại Việt Nam, nhà

thầu nước ngoài phải nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới cơ quan cấp giấy phép thầu. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị cấp giấy phép thầu (theo mẫu do Bộ Xây dựng hướng dẫn); Bản sao có chứng thực văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp; Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức, giấy phép hoạt động tư vấn đối với cá nhân) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp; Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu và báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 4 của Quy chế); Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc bản cam kết sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có trong hồ sơ dự thầu hay hồ sơ chào thầu); Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu.

Đơn đề nghị cấp giấy phép thầu phải làm bằng tiếng Việt. Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự. Các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm b, c, đ, e khoản 1 Điều

5 của Quy chế, nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 10 và Điều 16 của Quy chế xem xét hồ sơ để cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể

từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thầu phải trả lời bằng văn bản cho nhà thầu và nêu rõ lý do.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2012

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Chỉ thị số 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp triển khai chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

Ngày 09/01/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg về một số biện pháp triển khai chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Chỉ thị nêu rõ, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định chủ trương “phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững”. Tiếp đó, Đại hội X của Đảng nêu rõ chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác”.

Thực hiện đường lối và chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành các chương trình hành động, chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương chủ động, tích cực triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế và hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực trong giai đoạn 2001 – 2010 và đã đạt được những kết quả quan trọng.

Đại hội XI của Đảng đã đề ra chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” nhằm khai thác tối đa các nguồn lực bên ngoài để phục vụ phát triển nhanh, bền vững và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 2011 – 2020, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác đối ngoại trong thời gian tới. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

và chủ trương chiến lược của Đảng ta, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới, phù hợp với thế và lực của đất nước sau 25 năm đổi mới và thực tiễn quá trình hội nhập của đất nước, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của công cuộc phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Triển khai chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của Đại hội XI của Đảng, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo:

- Tiếp tục tổ chức quán triệt sâu rộng, thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, về đường lối đối ngoại, về các cơ hội cũng như thách thức đặt ra đối với tiến trình hội nhập trong giai đoạn mới của đất nước nói chung và đối với từng ngành, địa phương và doanh nghiệp nói riêng.

- Tổng kết, đánh giá quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực trong 10 năm qua, tập trung làm rõ những mặt được, mặt chưa được, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, đề ra định hướng, bước đi trong hội nhập quốc tế giai đoạn 2011 – 2015 trên các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, cơ quan, địa phương.

- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách, cơ chế, thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật; bảo đảm các khâu hoạch định chính sách, hoàn thiện luật pháp và xây dựng chiến lược phát triển trong nước phù hợp với các lộ trình và cam kết hội nhập quốc tế của Việt Nam;

- Thực hiện đầy đủ các thỏa thuận và điều ước quốc tế đã ký kết, kiến nghị đàm phán, ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế phục vụ hội nhập quốc tế; củng cố, hoàn thiện cơ chế chỉ

đạo, điều phối, phối hợp, thực thi, giám sát thực hiện các hoạt động hội nhập quốc tế.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực vững vàng về chính trị, năng lực chuyên môn và ngoại ngữ trong các lĩnh vực hội nhập mà Việt Nam tham gia.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Chỉ thị số 02/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản

Ngày 09/01/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản.

Trong Chỉ thị này nêu rõ, khoáng sản là tài nguyên không tái tạo, là một trong những nguồn lực quan trọng để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Trong những năm qua, ngành công nghiệp khai khoáng đã có bước phát triển cung cấp nguyên liệu cho nhiều lĩnh vực sản xuất, đóng góp đáng kể cho ngân sách nhà nước và góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, thời gian gần đây hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản đã có một số diễn biến phức tạp. Tình trạng khai thác một số loại khoáng sản như: Vàng sa khoáng, quặng sắt, titan, đá hoa trắng, cát xây dựng chưa phù hợp nhu cầu thực tế. Số lượng giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản được cấp gia tăng lớn, trong khi việc đầu tư các dự án chế biến sâu ít được quan tâm. Trừ một số khoáng sản như: Dầu khí, than đá, đồng, đá vôi xi măng có công nghệ khai thác ở trình độ tương đối hiện đại, còn lại các khoáng

sản khác được khai thác và chế biến bằng công nghệ cũ, lạc hậu. Tình trạng vi phạm quy định về an toàn lao động và bảo vệ môi trường còn khá phổ biến. Hoạt động khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn tồn tại ở nhiều địa phương, tập trung chủ yếu vào một số loại khoáng sản như: Than đá, vàng, titan, thiếc, chì, kẽm, sắt, mangan, cát xây dựng. Việc xuất khẩu lậu khoáng sản và gian lận thương mại có biểu hiện gia tăng, chưa kiểm soát được đã gây mất trật tự an ninh xã hội và gây bức xúc trong nhân dân. Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về khoáng sản còn hạn chế; công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản chưa được quan tâm đúng mức. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên một phần là do yếu kém trong quản lý nhà nước về khoáng sản, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương còn thiếu chặt chẽ. Việc xử lý những vi phạm trong thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản còn thiếu nghiêm minh.

Nhằm chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản, thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011

của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và triển khai Luật Khoáng sản 2010, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị: Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả. Công tác điều tra cơ bản, đánh giá khoáng sản phải đi trước một bước để làm rõ tiềm năng, giá trị phục vụ cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng trong từng thời kỳ.

Thăm dò, khai thác khoáng sản phải tính đến nhu cầu trước mắt cũng như lâu dài của đất nước nhằm đạt hiệu quả kinh tế – xã hội gắn với bảo đảm an ninh – quốc phòng, bảo vệ môi trường, canh quản, di tích lịch sử, văn hóa; khai thác khoáng sản nhất thiết phải gắn với chế biến sâu, sử dụng phù hợp với tiềm năng, giá trị của từng loại khoáng sản.

Chế biến khoáng sản phải sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Các dự án khai thác, chế biến khoáng sản chỉ được xem xét cấp phép khi đã có dự án đầu tư và được Hội đồng thẩm định của các Bộ Công Thương, Xây dựng và UBND các địa phương thẩm định theo thẩm quyền, dự án phải áp dụng công nghệ chế biến tiên tiến và tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên. Đối với những khoáng sản chưa có công nghệ chế biến hiện đại, bảo đảm hiệu quả thì kiên quyết dừng lại chưa khai thác. Việc xuất khẩu

khoáng sản phải tuân thủ theo quy định của Chính phủ, không xuất khẩu khoáng sản thô.

Quy hoạch khoáng sản của cả nước phải phù hợp với Chiến lược khoáng sản trong từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản của các địa phương phải phù hợp với Quy hoạch khoáng sản chung của cả nước và Quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành và địa phương liên quan rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng trong cả nước. Tăng cường công tác quản lý việc khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất xi măng. Việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng và xi măng phải gắn liền với bảo vệ môi trường, cảnh quan và an toàn lao động.

Chỉ thị này thay thế Chỉ thị số 26/2008/CT-TTg ngày 01/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường trong công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 27/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015

Ngày 05/01/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2015.

Mục tiêu của Chương trình nhằm nghiên cứu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện cơ sở lý luận

của mô hình nông thôn mới để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Nghiên cứu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, giải pháp khoa học và công nghệ xây dựng nông thôn mới để

áp dụng cho Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; Xây dựng một số mô hình nông thôn mới trên cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, từ đó đánh giá hiệu quả để tổ chức nhân rộng trên phạm vi cả nước trong quá trình xây dựng nông thôn mới; Nâng cao nhận thức và trình độ ứng dụng khoa học và công nghệ của người nông dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới; Xây dựng cơ sở dữ liệu về nông thôn mới.

Mục tiêu cụ thể của Chương trình là: 70% đề tài, dự án thuộc Chương trình có kết quả được công bố trên các tạp chí khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; 10% đề tài, dự án thuộc Chương trình được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ; Các đề tài, dự án thuộc Chương trình thực hiện đào tạo, tập huấn chuyển giao công nghệ cho 10.000 lượt đối tượng chuyển giao công nghệ và nhận chuyển giao công nghệ ở nông thôn.

Nội dung chủ yếu của Chương trình bao gồm:

- Nghiên cứu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện cơ sở lý luận của mô hình nông thôn mới: nghiên cứu, khảo sát các mô hình tổ chức xã hội nông thôn Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế về xây dựng nông thôn mới; những bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng nông thôn mới thời gian qua- từ đó đưa ra những luận cứ khoa học để xác định và hoàn thiện mô hình nông thôn mới của Việt Nam, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình xây dựng và phát triển nông thôn mới đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và những năm tiếp theo, xác định vai trò cụ thể của nông dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp khoa học và công nghệ để xây dựng nông thôn mới bao gồm: Các giải pháp quy hoạch, kiến trúc, xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường cảnh quan nông thôn mới; các giải pháp chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát

triển kinh tế, xã hội nông thôn; Các giải pháp xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Xây dựng một số mô hình trình diễn về nông thôn mới trên cơ sở ứng dụng các thành tựu, giải pháp khoa học và công nghệ, bao gồm: Mô hình tổ chức xã hội nông thôn mới; Mô hình quy hoạch, kiến trúc nông thôn mới; Mô hình nông nghiệp xanh; Mô hình bảo quan, chế biến nông sản và tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa; Mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiêu kết hợp với các biện pháp canh tác nông nghiệp giảm phát thải khí mê-tan và hiệu ứng nhà kính; Mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp với cơ giới hóa nông nghiệp; Mô hình ứng dụng công nghệ năng lượng tái tạo để xây dựng nông thôn mới; Mô hình thí điểm áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù trong đầu tư xây dựng và quản lý cơ sở hạ tầng nông thôn mới; Mô hình quản lý môi trường nông thôn.

- Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực nắm bắt, ứng dụng khoa học và công nghệ cho các đối tượng có liên quan đến việc xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chuyển giao công nghệ, nông dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nông thôn mới, bao gồm: Bộ chỉ tiêu hướng dẫn quy hoạch xây dựng nông thôn mới; Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện hằng năm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Tiêu chí phân bổ vốn theo hạng mức được phê duyệt để xây dựng nông thôn mới; Đánh giá nội dung, hiệu quả các dự án xây dựng nông thôn mới theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Hệ thống dữ liệu cập nhật về tình hình, tiến độ triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Kinh phí để thực hiện Chương trình dự kiến khoảng 1.500 tỷ đồng, trong đó từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương là 600 tỷ đồng, từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ địa phương và nguồn tài trợ quốc tế, của các doanh nghiệp, các tổ chức hợp tác nông nghiệp và các nguồn hợp pháp khác khoảng 500 tỷ đồng, từ lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế – xã hội và chương trình khoa học và công nghệ khác có liên quan khoảng 400 tỷ đồng.

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính thống nhất cân đối kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương để thực hiện các nhiệm

vụ thuộc Chương trình do Trung ương trực tiếp quản lý và hỗ trợ các địa phương thực hiện các dự án được ủy quyền quản lý. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, sử dụng kinh phí của Chương trình theo quy định pháp luật hiện hành.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cân đối kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của địa phương, cùng với kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để thực hiện các đề tài, dự án được ủy quyền quản lý.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020

Ngày 09/01/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 45/QĐ-TTg Phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020. Theo đó, Quyết định này sẽ điều chỉnh, bổ sung một số điều tại Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020. Cụ thể tại Điều 1: Các loại khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng được quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng đến năm 2020 trong phạm vi dự án, bao gồm: Cao lanh, đất sét trắng, fenspat, sét chịu lửa, cát trắng, đolômit, đá vôi, đá ốp lát. Tổng hợp số mỏ và tài nguyên các mỏ khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng trên cả nước được phân bố cụ thể theo Quyết định này.

Nhu cầu khối lượng các loại khoáng sản cần điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác để đáp ứng nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng từ nay đến năm 2020 trong Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 đối với Cao lanh là 5,0 triệu tấn; Đất sét trắng là 6 triệu tấn; Fenspat là 25 triệu tấn; Đất sét chịu lửa là 283.000 tấn; Cát trắng là 10 triệu tấn; Đolômit là 5 triệu tấn; Đá vôi sản xuất vôi công nghiệp là 15 triệu tấn; Đá khối là 30 triệu m³. Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 đối với Cao lanh là 15 triệu tấn; Đất sét trắng là 16,7 triệu tấn; Fenspat là 25 triệu tấn; Đất sét chịu lửa là 221.000 tấn; Cát trắng là 20 triệu tấn; Đolômit là 5 triệu tấn; Đá vôi sản xuất vôi công nghiệp là 15 triệu tấn; Đá khối là 30 triệu m³.

Đối với các loại mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng đã được ghi trong Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ mà không bị điều chỉnh tại

Quyết định này, vẫn có giá trị thực hiện. Điều chỉnh khoáng sản bentônit ra ngoài quy hoạch này, giao Bộ Công Thương xem xét điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm khoáng chất công nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra tình hình thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng; Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các vấn đề về bổ sung mới các mỏ vào quy hoạch hoặc điều chỉnh ra ngoài quy hoạch khi mỏ không đảm bảo chất lượng, trữ lượng, điều chỉnh công suất, thời gian khai thác các mỏ tương quy hoạch.

Bộ Xây dựng chủ động phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương trong quá trình thẩm định hồ sơ cấp phép thăm dò,

khai thác, báo cáo đánh giá tác động môi trường trong khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng; Kiểm tra và đề xuất với cơ quan có thẩm quyền ngừng cấp phép thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng đối với tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng quy hoạch; Xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm từ khoáng sản khi xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất vật liệu mà trong nước đã có; Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân khi thực hiện đầu tư các dự án chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng phải đáp ứng yêu cầu về sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, có hiệu quả kinh tế cao.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 79/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên đến năm 2015

Ngày 12/01/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 79/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên đến năm 2015. Đề án này đưa ra mục tiêu là xây dựng huyện Mường Nhé ổn định về định canh, định cư, không còn hộ du canh, du cư, bảo đảm người dân có đủ đất sản xuất, có nhà ở, có đủ nước sinh hoạt và sản xuất; Phấn đấu toàn huyện không có hộ đói, giảm nghèo nhanh và bền vững. Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, công trình công cộng tại các xã, bản phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân; Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững chắc, bảo đảm sự

ổn định chính trị, xã hội; xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh vững chắc.

Thời gian thực hiện Đề án là từ năm 2011 đến năm 2015. Trong thời gian thực hiện Đề án các hạng mục được đầu tư hỗ trợ chủ yếu gồm: Hỗ trợ phát triển sản xuất; Hỗ trợ ổn định đời sống; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các cán bộ.

Cụ thể, hỗ trợ phát triển sản xuất và ổn định đời sống bao gồm: Khai hoang đất sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; Đào đắp, cải tạo ao nuôi thủy sản; Hỗ trợ san nền nhà, xây dựng nhà ở, bao gồm cả công trình phụ; Hỗ trợ các

mặt hàng thiết yếu; Hỗ trợ lương thực cho các hộ chưa tự túc được lương thực và các hộ chuyển đổi phương thức canh tác từ sản xuất lương thực sang trồng cây công nghiệp, cây lâm nghiệp theo thời hạn quy định; trường hợp hộ phải di chuyển, hỗ trợ vận chuyển người và tài sản đến nơi ở mới; Hỗ trợ di chuyển mồ mã (nếu có); Hỗ trợ xây bể chứa nước đối với các bản không có nguồn nước để cung cấp nước sinh hoạt.

Đối với hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu tại 46 điểm bản thành lập mới, bao gồm: 13 công trình thủy lợi, 41 công trình giao thông liên bản với tổng chiều dài 97 km, 11 cầu treo với tổng chiều dài 560 m, 43 công trình nước sinh hoạt, 38 công trình nhà lớp học bản (bao gồm cả nhà công vụ giáo viên), tổng diện tích xây dựng 2470 m².

Đối với hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu tại 159 điểm bản hiện tại gồm: 38 công trình thủy lợi, 21 công trình giao thông (đường vào bản, liên bản), tổng chiều dài 75km, 22 cầu với tổng chiều dài 1180m, 85 công trình nước sinh hoạt, 90 nhà lớp học bản, tổng diện tích xây dựng 5050 m², 14 nhà công vụ với tổng diện tích xây dựng là 1300 m². Còn đối với các bản dự phòng thì hỗ trợ làm 3 công trình thủy lợi, 5 tuyến đường vào bản với tổng chiều dài 30km, 03 cầu treo với tổng chiều dài 165 m, 5 công trình nước sinh hoạt, 5 nhà lớp học bản (bao gồm nhà công vụ giáo viên), tổng diện tích xây dựng 300m².

Tổng vốn đầu tư cho Đề án là 1.552 tỷ đồng, trong đó vốn bồi thường hỗ trợ là 494 tỷ đồng, vốn xây dựng cơ sở hạ tầng là 917 tỷ đồng, vốn dự phòng là 141 tỷ đồng. Nguồn vốn lấy từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho tỉnh Điện Biên thực hiện Đề án.

Thủ tướng giao cho UBND tỉnh, cùng các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến từng người dân, từng thôn bản để nhân dân có nhận thức đầy đủ, chấp hành nghiêm chủ trương, chính

sách của Đảng và Nhà nước trong việc ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn toàn huyện. Tuyên truyền vận động người dân thay đổi tập quán canh tác nương rẫy, du canh, du cư chuyển sang trồng các cây như: Cây nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và đưa các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao và sản xuất. Thực hiện thu hồi đất, giao đất ở, đất sản xuất cho các hộ dân thuộc diện sắp xếp di chuyển đến nơi ở mới, bảo đảm hộ có đủ đất ở, đất sản xuất, tự túc được lương thực sau khi hết thời gian hỗ trợ lương thực; Hướng dẫn nhân dân thực hiện góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất vào các doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất; Hỗ trợ chi phí tạo mặt bằng nền nhà ở và xây dựng nhà ở, mức hỗ trợ tối đa là 26,4 triệu đồng/hộ.

UBND tỉnh Điện Biên chỉ đạo và thực hiện tốt chính sách hiện có trên địa bàn như: Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, đào tạo, dạy nghề, tập huấn kỹ thuật cho người sản xuất theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ; Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 7/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hiện hành của Tỉnh.

UBND tỉnh và các ban ngành có liên quan có trách nhiệm thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ những chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn để thực hiện hỗ trợ và đầu tư xây dựng các công trình thuộc Đề án; Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải để sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn vốn đầu tư hỗ trợ thực hiện Đề án; Xây dựng các cơ chế, chính sách và tạo những điều kiện thuận lợi cho các

doanh nghiệp khi thực hiện đầu tư vào vùng Đề án, tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư để giới thiệu những tiềm năng, lợi thế của huyện Mường Nhé nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số

141/QĐ-TTg ngày 31/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Sắp xếp, ổn định dân di cư tự do huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên giai đoạn 2008 – 2012.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 4141/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020

Ngày 30/12/2011 UBND tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định số 4141/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Đến năm 2020 mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại của tỉnh Bình Dương phải đảm bảo việc thiết kế xây dựng chợ phải có đầy đủ các công trình phụ như bãi giữ xe, nhà vệ sinh công cộng, hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải phù hợp với quy mô chợ; hệ thống điện phải đảm bảo an toàn, có trang bị dụng cụ, phương tiện phòng cháy chữa cháy đúng theo quy định chuyên ngành ...

Việc lựa chọn địa điểm phát triển chợ phải phù hợp với quy hoạch này đồng thời đảm bảo điều kiện theo quy định hiện hành của các ngành liên quan như: vị trí xây dựng chợ phải nằm ngoài hành lang bảo vệ đường bộ và các quy định hiện hành của ngành giao thông; về thiết kế chợ: các hạng mục của công trình chợ phải đảm bảo theo "tiêu chuẩn Việt Nam 351: 2006 " Chợ - Tiêu chuẩn thiết kế" được ban hành tại Quyết định số 13/2006/QĐ-BXD ngày 19/4/2006 của Bộ Xây Dựng và các văn bản có liên quan khác.

Công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, có tính thẩm mỹ cao, có thiết kế và trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, đảm bảo các yêu cầu phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an toàn và thuận tiện cho mọi đối tượng khách hàng; có bố trí nơi trông giữ xe và khu vệ sinh cho khách hàng phù hợp với quy mô kinh doanh. Có hệ thống kho và các thiết bị kỹ thuật bảo quản, sơ chế, đóng gói, bán hàng, thanh toán và quản lý kinh doanh tiên tiến, hiện đại.

Đối với siêu thị: tổ chức, bố trí hàng hóa theo ngành hàng, nhóm hàng một cách văn minh, khoa học để phục vụ khách hàng lựa chọn, mua sắm, thanh toán thuận tiện, nhanh chóng; có nơi bảo quản hành lý cá nhân; có các dịch vụ ăn uống, giải trí, phục vụ người khuyết tật, phục vụ trẻ em, giao hàng tận nhà, bán hàng qua mạng, bưu điện, điện thoại.

Đối với trung tâm thương mại: hoạt động đa chức năng cả về kinh doanh hàng hóa và kinh doanh các loại hình dịch vụ, bao gồm: khu vực để bố trí các cửa hàng bán buôn, bán lẻ hàng hóa; nhà hàng, khách sạn; khu vực để tổ chức hội chợ triển lãm trưng bày giới thiệu hàng hóa; khu vực dành cho hoạt động vui chơi giải trí, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, phòng

hợp để tổ chức các hội nghị, hội thảo, giao dịch và ký kết các hợp đồng thương mại trong, ngoài nước; khu vực dành cho các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, tin học, tư vấn, môi giới đầu tư, du lịch.

Từ nay đến cuối năm 2020, trên địa bàn tỉnh tiếp tục đầu tư cho 73 chợ (cải tạo, nâng cấp 30 chợ, xây mới 43 chợ) và 14 siêu thị, 30 trung tâm thương mại. Nhu cầu sử dụng đất là 84,9 ha, Vốn khái toán đầu tư là 8.458 tỷ đồng (Vốn ngân sách địa phương căn cứ vào chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới). Ngoài ra còn có nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư cho hai dự án chợ đầu mối nông sản, tùy thuộc vào từng dự án mà Trung ương quyết định mức vốn hỗ trợ.

Vốn đầu tư cho các công trình được huy động dưới hình thức kêu gọi đầu tư bằng hình thức xã hội hóa và mời gọi các thành phần kinh

tế tham gia đầu tư về cơ sở hạ tầng thương mại; trong đó cần thu hút nguồn vốn của các Tổng công ty, tập đoàn có quy mô về tài chính và năng lực trong hoạt động thương mại. Ngân sách địa phương: hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn theo chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 – 2020 tại Quyết định số 2083/QĐ-UB ngày 27/7/2011 của UBND tỉnh. Hỗ trợ cơ sở hạ tầng xung quanh chợ (giao thông, điện, cấp thoát nước). Ngân sách trung ương: hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ đầu mối nông sản tại Thị xã Thủ Dầu Một và huyện Dầu Tiếng (theo công văn số 8102/BCT-TTTN ngày 01/9/2011 của Bộ Công thương và nguồn vốn phân bổ của Bộ Kế hoạch Đầu tư).

(Xem toàn văn tại: www.binhduong.gov.vn)

Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng (sửa chữa) các công trình xây dựng cơ bản dưới 200 triệu đồng và trang thiết bị, phương tiện dưới 100 triệu đồng bằng nguồn vốn Ngân sách nhà nước

Ngày 10/01/2012 UBND tỉnh Đồng Tháp đã ra Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND Ban hành Quy định trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng (sửa chữa) các công trình xây dựng cơ bản dưới 200 triệu đồng và trang thiết bị, phương tiện dưới 100 triệu đồng bằng nguồn vốn Ngân sách nhà nước. Quy định này áp dụng cho các đối tượng là các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị – xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang (gọi chung là đơn vị) có sử dụng vốn Ngân sách nhà nước, vốn sự nghiệp, vốn khác có nguồn gốc từ Ngân sách nhà nước có giá trị dưới 200 triệu đồng cho một lần xây dựng

(sửa chữa) của một hạng mục công trình (kể cả xây dựng các hạng mục phụ cho công trình hiện hữu) và sửa chữa trang thiết bị, phương tiện đi lại có giá trị dưới 100 triệu đồng cho một lần sửa chữa.

Các hạng mục xây lắp, mua sắm, sửa chữa thuộc phạm vi và đủ điều kiện áp dụng quy định này thì không phải lập kế hoạch đấu thầu.

Đối với các công trình mang tính chất xây dựng cơ bản có giá trị xây dựng (sửa chữa) dưới 100 triệu đồng, thì thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện việc xây dựng (sửa chữa) và chịu trách nhiệm về mức giá do mình chuẩn chi. Việc xây dựng (sửa chữa) phải tuân thủ theo

các đơn giá, định mức hiện hành về đầu tư xây dựng và có hóa đơn chứng từ hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính.

Đối với các công trình xây dựng (sửa chữa) có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng thì phải có hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán do đơn vị tư vấn có pháp nhân lập và được thủ trưởng đơn vị tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (nếu không đủ năng lực thì thuê đơn vị tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán). Nghiêm cấm việc chia nhỏ chi phí xây dựng (sửa chữa) các công trình để đơn giản hóa thủ tục trái với quy định hiện hành.

Điều kiện để dự án được tạm ứng là phải có kế hoạch vốn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và phân bổ; Có Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán được phê duyệt; Hợp đồng sửa chữa (xây dựng) giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Mức tạm ứng tối đa bằng 50% giá trị hợp đồng (ứng một lần) nhưng không vượt kế hoạch vốn hàng năm được duyệt. Các chi phí liên

quan đến xây dựng (sửa chữa) công trình hoạch toán vào giá trị công trình. Các chi phí liên quan đến việc tổ chức chào giá mua sắm, thuê chuyên gia (nếu có) đơn vị sử dụng trong kinh phí được giao hàng năm để chi.

Khi công việc xây dựng (sửa chữa) công trình hoàn thành, trong thời gian 15 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán và chịu trách nhiệm về việc nghiệm thu và báo cáo quyết toán của mình.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 66/2006/QĐ-UBND ngày 01/11/2006 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc quy định trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng (sửa chữa) các công trình mang tính chất xây dựng cơ bản và sửa chữa tài sản dưới 100 triệu đồng bằng nguồn vốn Ngân sách nhà nước.

(Xem toàn văn tại: www.dongthap.gov.vn)

Chỉ thị số 03/2012/CT-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về tăng cường thực hiện các quy định của pháp luật về nhà ở trên địa bàn tỉnh Long An

Ngày 12/01/2012 UBND tỉnh Long An đã ra Chỉ thị số 03/2012/CT-UBND về tăng cường thực hiện các quy định của pháp luật về nhà ở trên địa bàn tỉnh Long An theo Nghị định số 71/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở và Thông tư số 16/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP. Để triển khai thực hiện Chương trình phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2012-2015 phù hợp với quy định hiện hành và động viên mọi nguồn lực trong xã hội, các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư xây dựng nhà ở, từng bước cải thiện chỗ ở của các tầng lớp dân cư,

thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường bất động sản về nhà ở, góp phần phát triển đô thị và nông thôn.

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố Tân An tập trung thực hiện xây dựng Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2012-2015 trên địa bàn tỉnh Long An (bao gồm chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở nói chung và các chương trình mục tiêu của tỉnh về hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng xã hội gặp khó khăn về nhà ở) báo cáo UBND tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và thực hiện hoàn tất trong năm 2012. Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển nhà ở sau khi được phê duyệt.

Các đơn vị liên quan kế hoạch lập cơ sở dữ liệu để tổng hợp, thống kê số lượng dự án phát triển nhà ở, dự án khu đô thị mới, khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; số lượng, loại nhà ở được xây dựng trong từng dự án; Số lượng, loại và đối tượng được phân chia nhà ở theo quy định của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP và Thông tư số 16/2010/TT-BXD; báo cáo cơ quan cấp trên theo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất các vấn đề liên quan đến lĩnh vực nhà ở trên địa bàn tỉnh; Lập dự trù kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ: xây dựng Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh và của huyện, thành phố Tân An; tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, tập huấn pháp luật về nhà ở; lập cơ sở dữ liệu để tổng hợp, thống kê các dự án nhà ở, số lượng nhà ở và việc mua bán nhà ở trên địa bàn tỉnh. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư; quy chế quản lý, sử dụng nhà biệt thự, công sở, nhà thuộc sở hữu nhà nước. Ban hành giá cho thuê nhà ở xã hội xây dựng từ vốn ngân sách; quy

trình thẩm định giá bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội xây dựng không phải từ vốn ngân sách nhà nước; giá cho thuê nhà ở công vụ; giá dịch vụ nhà chung cư trên địa bàn tỉnh.

Các sở, ngành liên quan nghiên cứu soạn thảo quy định về cơ chế khuyến khích ưu đãi các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng phát triển nhà ở nói chung; quy định về cơ chế vốn cho phát triển nhà ở công vụ, nhà ở xã hội sử dụng vốn ngân sách tỉnh. lập kế hoạch phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển quỹ nhà ở xã hội để cho thuê, quỹ nhà ở công vụ hàng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Các sở, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ được quy định phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ và Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng.

(Xem toàn văn tại: www.longan.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

“Nghiên cứu hướng dẫn thiết kế quy hoạch xây dựng ngầm đô thị”

Ngày 10/1/2012, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu hướng dẫn thiết kế quy hoạch xây dựng ngầm đô thị” do TS. KTS Nguyễn Trúc Anh – Viện Kiến trúc Quy hoạch Đô thị và Nông thôn làm chủ nhiệm đề tài.

Ở các thành phố lớn, thực hiện xây dựng những công trình ngầm là việc làm cần thiết để đáp ứng với sự phát triển kinh tế, xã hội, sự gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa nhanh chóng, giảm tải tình trạng ùn tắc giao thông, áp lực về sử dụng đất và bảo vệ môi trường. Trong những năm gần đây, giải pháp xây dựng ngầm như hầm cho người đi bộ, hầm đường ô tô, các dự án đường sắt đô thị..., các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm được nghiên cứu, quy hoạch và xây dựng, đặc biệt việc hạ ngầm các đường dây, đường cáp đi nổi đã được triển khai ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên không gian ngầm là không gian phục vụ cho giao thông, đồng thời còn là không gian sử dụng đa chức năng cho người dân, nhưng cũng là một không gian hạn chế, bởi một khi đã khai thác, xây dựng thì rất khó thay đổi, vì vậy cần phải có tầm nhìn xa trong việc quy hoạch tổng thể đô thị. Phải đưa ra những phương án đảm bảo an toàn về PCCC, động đất...không gây ảnh hưởng tới tâm lý của con người. Để đạt được như vậy thì các tổ chức, các ban ngành, các nhà nghiên cứu cần hợp tác để học hỏi kinh nghiệm và kỹ thuật của các nước khác, tiến hành nghiên cứu khai thác những kỹ thuật xây dựng mới, tiên tiến.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, TS.KTS Nguyễn Trúc Anh báo cáo tóm tắt kết quả của đề tài. Bố cục của đề tài gồm 2 tập. Tập 1 là thuyết minh tổng hợp, gồm 3 chương: Tổng



Cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu

quan quốc tế và trong nước; Cơ sở khoa học và pháp lý thiết kế quy hoạch XD ngầm đô thị; Đề xuất. Tập 2 là Dự thảo hướng dẫn.

Trong tập 1 của đề tài, theo như quy định, không gian ngầm (KGN) có thể chia phần ngầm thành 3 tầng: tầng ngầm nông, tầng ngầm trung và tầng ngầm sâu. Đối với tầng ngầm nông yêu cầu cách mặt đất 0-10m, ít ảnh hưởng tới tâm lý con người (sợ tù túng) nên thường được sử dụng làm không gian công cộng như nhà hàng, khu giải trí, văn hóa giáo dục...; Đối với tầng ngầm trung, yêu cầu cách mặt đất từ 10-50m, cho các công trình xây dựng 8-12 tầng (3-5m/tầng); đối với tầng ngầm sâu, yêu cầu cách mặt đất trên 50m, có thể xây dựng tàu điện ngầm cao tốc hoặc các hệ thống vận chuyển cao tốc.

Dựa theo phân loại KGN giao thông đô thị của Việt Nam và trên thế giới, có thể đưa ra cách phân loại chính thức trong nghiên cứu này cho KGN giao thông đô thị gồm: Các tuyến tàu điện ngầm - Đường ô tô ngầm - Đường ngầm cho người đi bộ - Đường ngầm tại các nút giao thông khác mức. Riêng hai loại không gian là Tuyến phố ngầm và Đỗ xe ngầm cũng có thể

được bao gồm vào không gian ngầm giao thông đô thị hoặc cũng có thể bao gồm trong KGN công cộng, thương mại.

Về mặt pháp lý, ở Việt Nam đã có một số Quy chuẩn, Luật, Nghị định, Thông tư liên quan tới công trình ngầm, nội dung chặt chẽ và có những quy định rõ ràng.

Đối với việc xây dựng các tuynen hạ tầng kỹ thuật cố gắng hạn chế đào xới đường, luôn đảm bảo mỹ quan của đô thị, KGN phải có tính năng sử dụng cao, dễ dàng vận hành và sửa chữa. Tuynen hạ tầng kỹ thuật gồm loại là tuynen chính và tuynen phân phối trong đó gồm có 2 loại tuynen kỹ thuật nhánh và tuynen hào cáp. Trong hệ thống tuynen chính bao gồm 2 loại là tuynen kỹ thuật mặt cắt hình chữ nhật thi công mở và tuynen kỹ thuật mặt cắt hình tròn thi công ngầm, hệ thống tuynen chính chủ yếu chứa đựng các đường ống có kích thước lớn, đường điện cao thế, một số loại đường ống vận chuyển (cấp nước, cấp thông tin, cấp điện, gas), phần lớn được bố trí dưới những trục đường chính và được trang bị các thiết bị cần thiết như lối đi, sáng sáng, thông gió, thoát nước và hệ thống quan sát. Trong hệ thống tuynen kỹ thuật nhánh chủ yếu chứa đựng các đường dây, đường ống phục vụ cho các hộ tiêu thụ dọc theo tuyến đường, xây dựng dưới vỉa hè hoặc dưới cạnh đường, đều được trang bị các thiết bị chiếu sáng, thông gió, thoát nước và các thiết bị cần thiết khác. Đối với tuynen kỹ thuật hào cáp, chủ yếu là chứa đựng các đường cáp phục vụ các hộ tiêu thụ dọc tuyến đường hoặc dưới vỉa hè.

Trong quá trình thực hiện lưu ý hạn chế quyền sử dụng đất, nghiên cứu phương pháp bồi thường hợp lý. Phối hợp giữa quy hoạch riêng biệt và điều chỉnh quy hoạch, hỗ trợ thủ tục, thành lập các cơ quan. Lập tiêu chuẩn kỹ thuật cho các công trình riêng biệt như: đường ngầm, tàu điện, phố ngầm, bãi đỗ xe ngầm... tuynen kỹ thuật. Đánh giá được mức độ ảnh hưởng đến các công trình lân cận khi thi công công trình.

Theo đề xuất của các chuyên gia, khi thực hiện quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết cần lồng ghép lựa chọn các khu vực khuyến cáo phải sử dụng không gian ngầm, sau đó dựa vào các quy hoạch chuyên ngành theo từng nội dung để tiến hành quy hoạch và thiết kế xây dựng ngầm. Phải đưa ra được hệ thống quy chuẩn tiêu chuẩn riêng biệt cho từng thể loại công trình ngầm

Trong tập 2 của đề tài, chủ yếu là Hướng dẫn cách lập nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết đô thị. Công việc được thực hiện theo 2 bước: Lựa chọn không gian ngầm và Quy hoạch thiết kế xây dựng ngầm chuyên ngành. Mục tiêu chính của Dự thảo là đảm bảo khai thác không gian ngầm tiết kiệm, hiệu quả; Mang tính định hướng lâu dài, có tính kết nối cao giữa phần nổi trên mặt đất và phần không gian ngầm dưới đất, đảm bảo an toàn chống được thiên tai hỏa hoạn, lụt lội và biến đổi khí hậu, có sự kết nối với các hạ tầng khác, tính toán khai thác các tài nguyên ngầm, KGN và địa nhiệt cũng như nguồn nước ngầm hiệu quả và bền vững.

Trong quá trình lập thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch chung (QHC) không gian ngầm đô thị luôn phải xác định rõ ràng mục tiêu, quan điểm phát triển đô thị, ranh giới nghiên cứu và phạm vi lập QHC xây dựng ngầm, các yêu cầu cần nghiên cứu và hồ sơ sản phẩm của đồ án. Đặc biệt, quy hoạch KGN phải có mối liên hệ chặt chẽ, đồng bộ với không gian nổi, phù hợp với quy mô, đặc trưng và nhu cầu phát triển của đô thị. Đối với bản vẽ cho đồ án QHC xây dựng đô thị, tùy theo các phần, các nội dung mà lập riêng hoặc chung quy hoạch không gian nổi, quy hoạch không gian ngầm.. Nhưng phải có bản vẽ chung các công trình ngầm và công trình trên mặt đất, cho thấy mối liên hệ đồng bộ giữa không gian ngầm và không gian nổi. Bản vẽ cho đồ án quy hoạch không gian ngầm lập sau phải phù hợp với bản vẽ quy hoạch không gian nổi.

Nội dung thuyết minh của nhiệm vụ quy hoạch chi tiết (QHCT) phải dựa trên QHC xây dựng đô thị, bao gồm các nội dung cụ thể: quy hoạch không gian nổi, không gian ngầm, liên hệ giữa không gian ngầm và nổi, đồng thời nội dung nhiệm vụ QHCT không gian ngầm phải phù hợp với nhiệm vụ QHCT không gian nổi đô thị. Mục tiêu của QHCT không gian ngầm là phải thực hiện quy hoạch, kiến trúc, kiến trúc cảnh quan, mỹ quan đô thị, các vấn đề về xã hội, kinh tế... Đối với bộ bản vẽ của nhiệm vụ QHCT đô thị phải được lập cho các phần riêng: QHCT không gian nổi và QHCT không gian ngầm đô thị.

Theo đánh giá của các chuyên gia trong Hội

đồng, đây là một đề tài lớn, nhóm nghiên cứu đã rất cố gắng trong việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên thế giới, đã trình bày đầy đủ tính cấp thiết, nêu được một số cơ sở nghiên cứu và đề xuất. Tuy nhiên, còn một số sai sót, nhóm nghiên cứu cần tiếp thu các ý kiến đóng góp của các chuyên gia để bổ sung và hoàn thiện đề tài.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa cho biết, Hội đồng ghi nhận những nỗ lực của nhóm đề tài và nhất trí nghiệm thu đề tài với kết quả xếp loại Khá./.

Bích Ngọc

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận Thị trấn Thắng mở rộng là đô thị loại IV

Ngày 18/1/2012 tại Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị đã chủ trì Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận Thị trấn Thắng mở rộng, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang là đô thị loại IV.

Tham dự Hội nghị đại diện các Bộ ngành liên quan, các Hiệp hội và Hội chuyên ngành, các sở, ngành tỉnh Bắc Giang, lãnh đạo UBND huyện Hiệp Hoà và Thị trấn Thắng.

Theo Đề án đề nghị công nhận thị trấn Thắng mở rộng là đô thị loại IV do Đại diện lãnh đạo UBND huyện Hiệp Hoà trình bày tại Hội nghị, Thị trấn Thắng là thị trấn huyện lỵ, đô thị loại V và là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội của huyện Hiệp Hoà. Thị trấn nằm ở phía Tây của tỉnh Bắc Giang, thuộc vùng trung du miền núi phía Bắc, cách thủ đô Hà Nội 50 km, thành phố Bắc Giang 30 km và thành phố Thái Nguyên 40 km. Thị trấn nằm gần các trung tâm kinh tế có hệ thống giao thông đối ngoại thuận lợi: Cách sân bay quốc tế Nội Bài 28 km, là điểm giao nhau của quốc lộ 37 với các tỉnh lộ 295, 296 và 288, đồng thời cũng là đầu mối kết nối của nhiều tuyến đường liên huyện, liên xã.



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu kết luận Hội nghị

Đây là một trong số rất ít những đô thị của tỉnh Bắc Giang có hệ thống giao thông thuận lợi và quan trọng trong khu vực.

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bắc Giang và quy hoạch chung xây dựng Thị trấn, Thị trấn Thắng mở rộng được định hướng là trung tâm thương mại, dịch vụ, văn hoá, du lịch, công nghiệp tiểu thủ công nghiệp; trung tâm giao lưu phát triển kinh tế vùng phía Tây của tỉnh Bắc Giang, góp phần phát triển kinh tế trong vùng Thủ đô, là đô thị loại IV tiến tới trở thành thị xã trong tương lai.

Với định hướng phát triển trở thành thị xã, đô thị loại IV, huyện đã tiến hành lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thăng mở rộng (để thành lập thị xã Thăng) và đã được phê duyệt; các đồ án quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan theo quy hoạch chung đã được phê duyệt và đang được chuẩn bị thực hiện phục vụ công tác quản lý và phát triển đô thị.

Kể từ khi được thành lập (theo Nghị định số 483 NV/ND/TT ngày 20/7/1957 của Bộ Nội vụ) đến nay, Thị trấn đã có những bước phát triển mạnh mẽ về mọi mặt kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, nhân lực, an ninh, quốc phòng,... Kinh tế Thị trấn đã có những chuyển biến tích cực, thu nhập bình quân đầu người tăng dần, năm 2010 bằng 0,66 lần thu nhập bình quân đầu người trên cả nước; đời sống nhân dân được cải thiện mọi mặt; tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2008 - 2010 là 13,8%; tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2010 là 60,9 tỷ đồng, chi ngân sách địa phương là 28,95 tỷ, chi thường xuyên: 8,77 tỷ; cân đối thu chi ngân sách là cân đối dư; cơ cấu kinh tế thị trấn mở rộng năm 2010: Công nghiệp, xây dựng: 35%, thương mại, dịch vụ: 45% và nông lâm nghiệp: 20%; tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2010 là 8,16%; mức tăng dân số trung bình hàng năm: 1,37%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 70,5%;

Hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật được quan tâm tập trung đầu tư với nhiều dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và chỉnh trang đô thị, hiện nay đã cơ bản đạt các chỉ tiêu của một đô thị loại IV. Diện tích nhà ở bình quân đạt 17,67 m²/người; tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố: 72,1%; hệ thống công trình công cộng cấp khu ở: 2,62 m²/người; diện tích đất dân dụng bình quân: 141,6 m²/người; hệ thống công trình công cộng cấp đô thị: 6,19 m²/người;

Thị trấn có mạng lưới giao thông hình sao dựa trên các tuyến quốc lộ 37 và các tỉnh lộ 295, 296 và 288 cùng đi tập trung vào trung

tâm đô thị, là đầu mối giao thông cấp vùng. Tỷ lệ đất giao thông đô thị trên đất xây dựng đô thị là 14,5%; bình quân diện tích đất giao thông trên dân số nội thị: 24,71 m²/người; mật độ đường chính: 3,13 km/km²;

Thị trấn có hệ thống thoát nước với mật độ đường ống thoát nước chính là 5,09 km/km²; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt 20%; tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới có trạm xử lý nước thải đạt 60%.

Căn cứ thực trạng phát triển của Thị trấn Thăng mở rộng và các hướng dẫn nêu tại Nghị định 42/2009/NĐ-CP và Thông tư số 34/2009/TT-BXD đánh giá phân loại đô thị theo 6 tiêu chí, Đề án đã đánh giá sự phát triển và các thành tựu của Thị trấn theo các tiêu chí đã nêu và xét thấy Thị trấn đã hội đủ các điều kiện để được công nhận là đô thị loại IV.

Các báo cáo phản biện được trình bày tại Hội nghị và ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định cho rằng về cơ bản Thị trấn đã hội đủ các điều kiện quy định của một đô thị loại IV và đồng tình đối với việc công nhận Thị trấn là đô thị loại IV. Các thành viên Hội đồng thẩm định đã chỉ ra các mặt đạt yêu cầu, vượt yêu cầu, các chỉ tiêu mà Thị trấn đã phấn đấu đạt được ở mức phù hợp với yêu cầu và vượt yêu cầu đồng thời cũng nêu ra những mặt còn yếu mà Thị trấn cần có các biện pháp, giải pháp, chương trình dự án để khắc phục trong thời gian tới.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị cho biết Hội đồng thẩm định đánh giá cao công tác chuẩn bị và nội dung của đề án; nội dung Đề án về cơ bản đã bám sát 6 tiêu chí phân loại đô thị; tuy nhiên Thị trấn cần lưu ý những mặt còn yếu, những tồn tại như phát triển kinh tế, thương mại và dịch vụ còn mang tính nhỏ lẻ, hệ thống kết cấu hạ tầng chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ, một số hạ tầng kỹ thuật còn yếu đặc biệt là xử lý chất thải rắn, thiếu trung tâm thương mại, dịch vụ, nhà văn hoá,....

Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị cũng đề

nghey UBND tỉnh Bắc Giang và huyện Hiệp Hoà tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định chỉ đạo khắc phục các mặt còn yếu của Thị trấn. Đối với công tác phát triển đô thị của Thị trấn, cần tiến hành rà soát các định hướng và kế hoạch phát triển đô thị; trong thời gian tới tập trung xây dựng chính sách đầu tư xây dựng đô thị và kế hoạch phát triển đô thị theo hướng khoa học, chi tiết, khả thi và có tầm nhìn góp

phần tích cực cho sự phát triển đô thị và kinh tế của tỉnh Bắc Giang nói riêng và cả nước. Với tổng số điểm đạt được là 80,87 điểm Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua Đề án và đề nghị Bộ Xây dựng công nhận Thị trấn Thắng mở rộng là đô thị loại IV.

Huỳnh Phước

Một số kinh nghiệm về thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Với diện tích 3.358km², gồm 1 thành phố và 5 huyện, dân số 571 nghìn dân, trong 2 năm qua bằng những giải pháp điều hành hiệu quả, Ninh Thuận đã có những bước phát triển đột phá quan trọng, từ một tỉnh thu ngân sách năm 2009 chỉ đạt hơn 500 tỷ, đến năm 2011 mặc dù là năm khó khăn nhưng tổng thu ngân sách đã tăng lên 1.156 tỷ đồng, hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng. Với tiềm năng thiên nhiên sẵn có, một chiến lược phát triển rõ ràng, chính sách thu hút đầu tư tốt và sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ, Ninh Thuận đã và đang có những bước đi cụ thể để trở thành Trung tâm năng lượng sạch của Quốc gia. Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng có những chuyển biến rõ rệt trong đó công tác thu gom và xử lý rác thải là một trong những vấn đề mà tỉnh đặc biệt quan tâm giải quyết trong những năm qua. Sau 9 năm thực hiện mô hình quản lý và thu gom rác thải có thể nói mô hình này đã và đang phát huy hiệu quả và cũng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Từ tỉ lệ thu gom chỉ đạt 45%, chủ yếu sử dụng giải pháp chôn lấp năm 2002, đến nay tỉ lệ thu gom và xử lý rác thải đã đạt 92%, trong đó 90% rác thải được xử lý và tái sử dụng, tỉ lệ chôn lấp chỉ chiếm 5-10%.

Có được kết quả như trên là do tỉnh đã quyết định chuyển đổi kịp thời mô hình quản lý thu gom và xử lý. Từ khi tái lập tỉnh năm 1992, công

tác thu gom xử lý rác được UBND tỉnh giao cho Công ty Công trình đô thị - một đơn vị hoạt động công ích trực thuộc Sở Xây dựng, chịu trách nhiệm thực hiện công tác này. Hoạt động đơn vị này chủ yếu được duy trì bằng ngân sách nhà nước trên cơ sở dự toán chi cho các hoạt động hàng năm. Với mô hình này, Công ty Công trình đô thị chỉ đủ chi phí cho các hoạt động thu gom đưa rác về bãi chôn lấp tập trung chứ không có nguồn tăng thêm để tăng biên chế hoạt động, đầu tư sử dụng công nghệ mới để xử lý các bãi rác chôn lấp hoặc đầu tư các dây chuyền xử lý rác thải hiện đại. Vì thế dẫn đến tình trạng tỉ lệ thu gom rác thải đạt rất thấp (45%) chủ yếu tập trung thu gom xử lý ở địa bàn TP. Phan Rang-Tháp Chàm, địa bàn các huyện hầu như không được kiểm soát do phương tiện vận chuyển và con người không đủ, tình trạng ô nhiễm môi trường ở các bãi rác trung chuyển trong thành phố không được xử lý, rác thải chỉ được thu gom và chôn lấp chứ không được xử lý dẫn đến tình trạng quá tải ở các bãi chôn lấp gần thành phố gây ô nhiễm và tạo ra phản ứng trong nhân dân; để giải quyết vấn đề này ngân sách địa phương lại phải tiếp tục hỗ trợ để đầu tư xử lý một phần các bãi chôn lấp tránh ảnh hưởng môi trường và đầu tư xây dựng các bãi chôn lấp mới.

Đến năm 2002 Công ty TNHH XD- TM&SX Nam Thành đăng ký dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải trên địa bàn bằng nguồn vốn

doanh nghiệp, qua xem xét dự án UBND tỉnh nhận định đây là dự án hiệu quả cao giải quyết được những vấn đề trước mắt và lâu dài cho quá trình phát triển. Vì vậy ngoài việc chỉ đạo các ngành tạo điều kiện cho nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng UBND tỉnh còn chỉ đạo ngành xây dựng tham mưu đề xuất mô hình quản lý và thu gom rác thải trên địa bàn để khai thác và đáp ứng mục tiêu của dự án. Theo tinh thần chỉ đạo trên, sau một năm tập trung, nhà máy xử lý rác thải được xây dựng hoàn thành, công tác thu gom và xử lý rác thải cũng đã được SXD tham mưu UBND tỉnh chuyển đổi mô hình theo hướng: chuyển toàn bộ bộ phận quản lý thu gom rác thải của Công ty Công trình đô thị từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần; toàn bộ hoạt động thu gom xử lý rác thải giao cho Công ty Nam Thành đảm nhận, tỉnh thanh toán chi phí thu gom rác thải cho Công ty Nam Thành thông qua hợp đồng thỏa thuận với UBND các huyện thành phố(hiện nay là 150.000đ/m³ bao gồm: công tác thu gom rác thải ở các trục đường chính đô thị; thu gom rác tại các điểm thu rác thải tập trung; vận chuyển rác về nhà máy và công tác xử lý rác thải. Trong đó riêng chi phí xử lý là 32.000đ/m³ - là mức giá khá thấp so với các địa phương khác).

Hình thức thu gom: Công ty Nam Thành thu gom rác ở các trục đường chính; UBND các Phường tổ chức thu gom rác tại các trục đường phụ, hẻm theo các đội, rác thu gom không cần phân loại, thu gom bằng phương tiện phổ thông xe đẩy, thu gom theo giờ nhất định mỗi ngày 2 lần, sau đó đưa về các điểm tiếp nhận rác tập trung theo giờ ấn định và được Công ty Nam Thành tổ chức thu gom theo quy trình “không tiếp đất”. Kinh phí cho hoạt động thu gom của các đội này được lấy từ nguồn thu phí thu gom rác của các hộ gia đình.

Hoạt động của nhà máy xử lý rác thải Nam Thành có thể nói là một trong những nhà máy xử lý rác hiệu quả nhất hiện nay. Biên chế nhà

máy có 396 cán bộ công nhân viên chức, mức thu nhập bình quân hiện nay: 3.900.000đ/ người/tháng. Nhà máy có 6 phân xưởng, 2 kho với tổng diện tích xây dựng 0,97ha/5,2ha chiếm 18,6% diện tích đất nhà máy. Công suất tối đa của nhà máy là 150 tấn rác/ngày. Hiện nay đã sử dụng 80% công suất vì lượng rác thải mang về hàng ngày từ 170- 200 tấn rác. Doanh thu của các năm tăng đều 2009 là 20 tỷ, 2010 là 23,3 tỷ, 2011 là 31 tỷ đồng.

Quy trình xử lý rác của Công ty Nam Thành là quy trình khép kín và rất hiệu quả: Rác từ các địa phương trong tỉnh được thu gom bằng quy trình thu gom rác không tiếp đất. Vận chuyển rác bằng phương tiện chuyên dùng đến nhà tiếp nhận. Tại đây, bộ phận kỹ thuật sẽ phun các chế phẩm vi sinh phân hủy, vi sinh khử mùi, sau đó được chuyển đến hệ thống tách lựa để phân loại hữu cơ lớn, hữu cơ nhỏ, đất, cát, xà bần, nylon... tách đất, cát, xà bần...(chiếm từ 5-10%) chuyển đến bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Thành phần hữu cơ được chuyển đến các hầm ủ chín, giảm ẩm và chuyển đến phân xưởng IV, phân xưởng V có nhiệm vụ sản xuất phân hữu cơ vi sinh theo đơn đặt hàng của người tiêu thụ. Thành phần vô cơ (nylon các loại) được chuyển đến phân xưởng II để sản xuất hạt nhựa, phiến nhựa, bao bì, gạch cao su, ván cốp-pha... Hạt nhựa từ phân xưởng II sẽ được chuyển sang phân xưởng III để sản xuất và in ấn bao bì đựng phân bón do công ty sản xuất.

Có thể nói mô hình thu gom và xử lý rác thải như đã nêu trên sau 9 năm thực hiện đã phát huy hiệu quả rõ rệt:

Thứ nhất là về chi Ngân sách Nhà nước: Ngoài khoản Ngân sách Nhà nước phải trả cho hoạt động thu gom các trục đường chính đô thị, vận chuyển từ các điểm thu gom tập trung về nhà máy và chi cho công tác xử lý rác thải(tổng các khoản 7,5USD/m³ thấp hơn nhiều so với các địa phương khác), Ngân sách Nhà nước không phải chi cho các hoạt động nào khác liên quan công tác này như trước đây chẳng hạn: chi hoạt

động bộ máy quản lý của vận hành của công ty công trình đô thị, chi cho đầu tư xử lý môi trường bãi chôn lấp, chi cho đầu tư trang thiết bị và bãi chôn lấp để mở rộng phạm vi thu gom.

Thứ hai, phạm vi thu gom đã được mở rộng trên địa bàn toàn tỉnh thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, huyện Ninh Hải, huyện Ninh Phước, Huyện Thuận Bắc, huyện Ninh Sơn (chỉ trừ một huyện miền núi do mật độ dân số thấp, tập trung dân số không cao nên chưa đưa vào phạm vi hoạt động của nhà máy). Tỷ lệ thu gom tăng từ 45% năm 2002 lên 92% năm 2011.

Thứ ba, giảm diện tích đất dành cho công tác chôn lấp và xử lý rác thải từ 27ha trước đây xuống còn 5,2 ha hiện nay cho việc xây dựng nhà máy và mở rộng thêm khoảng 3ha cho hoạt động chôn lấp.

Thứ tư, về môi trường: Với quy trình thu gom

không tiếp đất và “Dây chuyền xử lý rác chưa phân loại” (sở hữu độc quyền bằng sáng chế của Công ty). Đây là một quy trình khép kín, tái sử dụng hơn 90% rác thải, đặc biệt tỷ lệ chôn lấp chiếm chỉ từ 5-10% (sản phẩm chôn lấp chủ yếu là đất cát, xà bần), biến rác thải từ cái bỏ đi thành những sản phẩm có ích cho xã hội, đã không những giải quyết xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm tại các điểm thu gom tập trung trong đô thị, ô nhiễm từ các núi rác thải của bãi chôn lấp do quá tải mà còn tạo ra các sản phẩm có ích cho môi trường, tăng thu ngân sách địa phương.

KTS. Phạm Văn Hậu

Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận

(Tham luận tại Hội nghị triển khai kế hoạch công tác năm 2012 ngành Xây dựng)

Thành phố Bắc Kinh: Sáng tạo cơ chế môi - tăng cường quản lý giám sát việc vận hành kinh doanh hệ thống xử lý rác thải

Việc xử lý rác thải sinh hoạt mang “tính công cộng”, là sự nghiệp mang tính lợi ích chung, liên quan trực tiếp đến lợi ích cộng đồng và sự an toàn chung; việc xử lý rác thải sinh hoạt có “tính độc quyền”, những người tiêu dùng bình thường bất lực với nó, về cơ bản không có quyền lựa chọn. Vì vậy, các cơ quan Chính quyền nhất thiết phải có nghĩa vụ là “người chịu trách nhiệm chung”, tăng cường sự giám sát và quản lý có hiệu quả đối với việc xử lý rác thải. Chức năng chủ yếu của các cơ quan Chính quyền là phối hợp giúp đỡ hạch toán và giám sát kiểm soát chi phí của doanh nghiệp, đưa ra các ý kiến điều chỉnh giá cả; giám sát thực thi nghĩa vụ pháp lý của các doanh nghiệp được nhượng quyền kinh doanh; tiến hành giám sát đối với tình hình thực thi kế hoạch kinh doanh, chất lượng sản phẩm và chất lượng phục vụ cũng như tình hình sản xuất an toàn của các doanh nghiệp được nhượng quyền kinh doanh; thụ lý

giải quyết các khiếu nại của quần chúng đối với doanh nghiệp...

I. Hệ thống tổ chức

Ủy ban Quản lý đô thị thành phố Bắc Kinh là cơ quan hành chính chủ quản cấp Thành phố phụ trách tổng thể việc thực thi công tác quản lý giám sát vận hành kinh doanh hệ thống xử lý rác thải, Ủy ban Quản lý đô thị quận/huyện là cơ quan chủ quản hành chính cấp quận/huyện phụ trách quản lý giám sát việc vận hành kinh doanh của hệ thống xử lý rác thải trên địa bàn. Phòng Quản lý rác thải thành phố Bắc Kinh nhận sự ủy thác triển khai công tác quản lý giám sát từ Ủy ban Quản lý đô thị thành phố, kiểm tra giám sát đối với tình hình vận hành hệ thống xử lý rác thải thuộc thành phố, định kỳ tiến hành kiểm tra xác suất tình hình vận hành của hệ thống xử lý rác thải của Quận/huyện.

II. Biện pháp quản lý giám sát

Việc quản lý giám sát của thành phố đối với

các doanh nghiệp (đơn vị) vận hành kinh doanh vừa phải đại diện cho lợi ích của nhân dân, chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý giám sát nhưng không được can thiệp quá sâu.

1. Thu thập số liệu thông tin, phê duyệt các chỉ tiêu sản xuất

Hiện tại, thành phố Bắc Kinh đã hình thành Hệ thống quản lý thông tin vệ sinh môi trường với đầu mối là Phòng quản lý rác thải thành phố, xây dựng mạng lưới báo cáo thông tin vệ sinh môi trường toàn thành phố, quản lý thông tin vệ sinh môi trường toàn thành phố bao gồm thu thập, tổng hợp, phân tích... số liệu về xử lý rác thải. Hiện tại, mạng lưới này đã bao phủ 49 đơn vị chuyên ngành vệ sinh môi trường toàn thành phố. Đồng thời với việc các doanh nghiệp vận hành kinh doanh xử lý rác thải kịp thời báo cáo số liệu, cần tăng cường kiểm tra, đối chiếu thực tế hoạt động sản xuất, bao gồm tiến hành kiểm tra tính chính xác của số liệu báo cáo, tính logic của biên bản vận chuyển, tiến hành xử phạt khi phát hiện các hiện tượng báo cáo sai, từ đó đảm bảo chắc chắn số liệu về hoạt động sản xuất chính xác, chân thực.

2. Đặt ra tiêu chuẩn công nghệ, kiểm soát chặt chẽ chất lượng hoạt động sản xuất

Tổ chức sản xuất, cung cấp cho xã hội các sản phẩm và sự phục vụ đủ về lượng và phù hợp với tiêu chuẩn; tăng cường bảo vệ và cải tạo làm mới đối với sự vận hành của hệ thống, thiết bị sản xuất, bảo đảm chắc chắn về một hệ thống hoàn hảo là trách nhiệm của đơn vị kinh doanh. Cơ quan chủ quản các ngành nghề thành phố Bắc Kinh đã đặt ra “Tiêu chuẩn kiểm tra sát hạch hệ thống xử lý rác thải thành phố Bắc Kinh”, quy định chi tiết đối với công nghệ vận hành hệ thống xử lý, quản lý thiết bị, quản lý sản xuất..., yêu cầu các hệ thống xử lý phải nghiêm chỉnh tuân thủ “Sổ tay quản lý vận hành công nghệ” do Cơ quan chủ quản xét duyệt để tổ chức vận hành kinh doanh. “Sổ tay quản lý vận hành công nghệ” là cơ sở căn bản trong quản lý vận hành hệ thống xử lý rác thải, nội

dung bao gồm giới thiệu hệ thống, kiểm soát công nghệ vận hành, quản lý thiết bị, thống kê, biên bản, trách nhiệm vị trí công việc của từng nhân viên..., đồng thời yêu cầu các đơn vị vận hành kinh doanh căn cứ tình hình thay đổi công nghệ thực tế kịp thời làm mới và sửa đổi sổ tay và thông qua Cơ quan chủ quản xét duyệt. Trong quá trình quản lý giám sát, đối chiếu nghiêm chỉnh từ các khâu cụ thể như biên bản sổ ghi chép hàng ngày, vệ sinh môi trường, kiểm soát bụi và nước thải, phân loại vận chuyển rác thải, xử lý khí mêtan, phân hữu cơ lên men và bảo dưỡng làm sạch thiết bị ... để tiến hành kiểm tra sát hạch, kiểm soát nghiêm chất lượng phục vụ hoạt động sản xuất.

3. Thực hành giám sát môi trường, đảm bảo chắc chắn chất lượng môi trường

Giám sát môi trường là khâu then chốt trong quản lý vận hành hệ thống xử lý rác thải, số liệu giám sát phản ánh trực tiếp chất lượng môi trường của hệ thống, là chỉ tiêu phán đoán lượng hóa việc xử lý rác thải trở thành vô hại. Ủy ban Quản lý đô thị thành phố Bắc Kinh kết hợp “Phương pháp phòng chống rác thải rắn gây ô nhiễm môi trường Nước CHND Trung Hoa” và “Chính sách kỹ thuật phòng chống ô nhiễm và xử lý rác thải sinh hoạt thành phố”, nhiều năm qua luôn coi công tác giám sát môi trường là biện pháp quan trọng nhằm tăng cường quản lý giám sát đối với hệ thống xử lý rác thải, đồng thời thực hiện việc quản lý mang tính cưỡng chế của Chính phủ. Công tác giám sát môi trường mỗi năm tổng cộng tiến hành 3 lần, nội dung giám sát bao gồm khí hậu, nước ngầm, nước rỉ rác, khí mêtan, tiếng ồn... với hơn 30 chỉ tiêu; đối tượng giám sát là tất cả các hệ thống xử lý rác thải bệnh viện và rác thải sinh hoạt trong toàn thành phố.

4. Lập dự toán chi phí, phê duyệt giá cả vận hành kinh doanh

Việc lập dự toán chi phí, phê duyệt giá xử lý rác thải được căn cứ trên chế độ hạch toán kế toán doanh nghiệp vệ sinh môi trường. Hạng

mục chi phí cho hệ thống xử lý rác thải chủ yếu bao gồm: tiền lương nhân viên, chi phí mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị xe cộ và vật tư tiêu hao, chi phí nguyên nhiên vật liệu như xăng dầu, điện, nước...theo các phương thức khác nhau về vận hành kinh doanh, tính chất khác nhau của đơn vị vận hành kinh doanh, mức khấu hao, thuế và lợi nhuận hợp lý. Giá cả vận hành kinh doanh hệ thống xử lý rác thải vừa phải xét đến lợi nhuận hợp lý của người kinh doanh lại vừa không thể tăng quá cao, nếu không sẽ làm tổn hại đến lợi ích của người tiêu dùng; vừa phải thể hiện được đặc tính của ngành xử lý rác thải, lại phải chú ý quan tâm đến các quy định về phương diện tài chính, vật giá ..., trình tự thi hành căn cứ theo quy định của “Luật Giá cả”.

5. Tăng cường giám sát kiểm soát cảnh báo, bảo đảm an toàn chung và an toàn sản xuất

Công tác quản lý giám sát an toàn sản xuất chủ yếu là yêu cầu các hệ thống xử lý rác thải phải có hệ thống an toàn về quy trình thao tác, giao thông, phòng cháy chữa cháy ..., các biện pháp bảo đảm bảo an toàn phải đầy đủ, việc tập huấn về an toàn đến nơi đến chốn. Phòng bị an toàn khí mêtan là trọng điểm trong công tác quản lý giám sát, tất cả các hệ thống xử lý rác thải trong toàn thành phố đều định kỳ kiểm tra nồng độ khí mêtan, khi phát hiện vị trí có nồng độ khí mêtan vượt quá 1,25% cần lập tức lựa chọn biện pháp để loại trừ những hiểm họa về an toàn. Biện pháp quản lý giám sát về “An toàn chung” chủ yếu là xây dựng hệ thống khẩn cấp xử lý rác thải toàn thành phố, đề ra kế hoạch khẩn cấp xử lý rác thải toàn thành phố và kế hoạch khẩn cấp của tự thân các hệ thống, bảo đảm khi xảy ra các sự việc bất ngờ, rác thải có thể kịp thời được dọn dẹp và vận chuyển đồng thời tiến hành xử lý trở thành vô hại, đảm bảo không ảnh hưởng đến lợi ích chung và sự an toàn chung.

III. Trình tự quản lý giám sát

Trong “Biện pháp kiểm tra đánh giá hệ thống xử lý rác thải thành phố Bắc Kinh” đã quy định biện pháp kiểm tra lấy mẫu và lưu trữ hồ sơ của mẫu, kiểm tra tình hình phân tích tổng hợp và ý kiến đánh giá để hình thành phương thức, kỳ hạn xử lý, đồng thời đối với hệ thống phân loại, vận chuyển, ủ, chôn lấp rác thải ... tiến hành kiểm tra thứ tự và vị trí các khâu công nghệ cụ thể để tiến hành miêu tả rõ ràng chuẩn xác, quy định nên hình thức kiểm tra đánh giá thực hành theo hình thức kiểm tra lượng hóa thang điểm 100.

Cơ quan chủ quản các ngành nghề của thành phố sẽ lập “Báo cáo đánh giá” về tình hình kiểm tra hàng tháng của các hệ thống xử lý rác thải thuộc thành phố và tình hình kiểm tra xác suất hàng năm của các hệ thống xử lý rác thải trực thuộc quận, huyện, báo cáo và phản hồi tới hai cấp chính quyền và các đơn vị được kiểm tra với hình thức “Thông tin quản lý của Chính quyền thành phố” (Chuyên san hệ thống vệ sinh môi trường), để các cơ quan của thành phố có thể kịp thời nắm bắt tình hình vận hành kinh doanh của các hệ thống xử lý rác thải từ đó có những chỉ đạo cần thiết đối với các đơn vị vận hành kinh doanh.

Tin liên quan

Nước Đức trải qua nhiều năm nghiên cứu và trải nghiệm thực tế đã hình thành nên khái niệm quản lý rác thải 4R: Reduce (giảm nguồn rác), Reuse (sử dụng lại), Recycle (tái chế) và Recover (tận dụng thu hồi), tức là: ưu tiên việc phòng ngừa và giảm phát sinh rác thải, tái tận dụng rác thải được ưu tiên trong xử lý rác thải, đối với rác thải không thể tái tận dụng mới tiến hành xử lý cuối cùng. Điều này cũng đã được tổng kết thành mô hình “tránh phát sinh – tái chế – xử lý giai đoạn cuối”. Những khái niệm và mô hình này đã quyết định việc định ra và thực thi các chính sách, biện pháp quản lý và lập pháp.

Các quy định pháp luật về quản lý rác thải hoàn thiện là phương diện quan trọng trong hệ thống quản lý rác thải của nước Đức. Từ năm

1972, nước Đức đã ban hành “Luật Xử lý chất thải”, năm 1982 lại được sửa đổi thành “Luật Tránh phát sinh chất thải và xử lý chất thải”, năm 1994 tiếp tục sửa đổi thành “Về Luật Xử lý chất thải đảm bảo thúc đẩy quản lý tuần hoàn khép kín chất thải và phối hợp nhịp nhàng với môi trường”, năm 1998 đề ra “Luật Phòng tránh và tận dụng chất thải bao bì”. Ngoài ra, nước Đức còn đưa ra các điều lệ, quy định, quy phạm cụ thể, như điều lệ đốt chất thải, điều lệ thẩm duyệt nhà máy xử lý chất thải, điều lệ phân loại chất thải độc hại, điều lệ giám sát quản lý chất thải độc hại, điều lệ vận chuyển chất thải độc hại, “Quy phạm kỹ thuật xử lý chất thải”... Hiện tại, các quy định pháp luật về phương diện quản lý rác thải nước Đức có khoảng 800 mục. Nhìn một cách tổng thể, Luật Quản lý rác thải nước Đức có thể phân thành 4 bình diện: Luật Liên minh châu Âu, Luật Liên bang, Luật Nhà nước liên bang, Luật Quận và Thành phố. Sự ra đời của các quy định pháp luật này đã có sức bảo đảm cho nước Đức tiến hành quản lý toàn diện đối với rác thải.

Nước Đức có cơ cấu quản lý rác thải hoàn thiện, từ Liên bang tới các địa phương, thiết lập ba tầng chủ quản trong lĩnh vực xử lý rác thải sinh hoạt, đó là tầng quản lý rác thải tối cao, tầng quản lý rác thải cao cấp, tầng quản lý rác thải cơ sở. Trong đó, Bộ Bảo vệ môi trường Liên

bang Đức và cơ cấu chuyên ngành của nó là “Cục Bảo vệ môi trường Liên bang” là tầng quản lý rác thải tối cao, chủ yếu phụ trách quản lý thống nhất tầng vĩ mô, như khởi thảo luật Liên bang tương ứng, phối hợp với Liên minh châu Âu định ra phương án chiến lược dài hạn ...; Sở Môi trường và các cơ quan cấp Quận của các khu vực trực thuộc tầng quản lý rác thải cao cấp, phụ trách công tác cụ thể về quản lý, giám sát kiểm soát và tư vấn về rác thải trong phạm vi trực thuộc; Chính quyền thành phố với các Chính quyền Quận trực thuộc là tầng quản lý rác thải cơ sở, trực tiếp đại diện cho lợi ích của cư dân thành phố, định ra các quy phạm quản lý cụ thể, phụ trách tập hợp, vận chuyển, xử lý ... rác thải sinh hoạt hàng ngày. Chính quyền thành phố ủy thác Cục Bảo vệ môi trường thành phố thực thi cụ thể công tác quản lý rác thải. Trong phương diện vận hành kinh doanh quản lý cụ thể, Đức lựa chọn mô hình Chính quyền thành phố - Công ty vệ sinh – nhà máy xử lý rác thải. Công ty vệ sinh phụ trách xây dựng và đầu tư hệ thống xử lý rác thải. Các nhà máy xử lý rác thải phụ trách việc phân loại, đốt, xử lý sinh hóa rác thải...

Trần Huy

Nguồn: T/C Xây dựng Đô thị và Nông thôn

TQ, số 10/2011

ND: Kim Nhạn

Phân tích đặc điểm các sự cố sụp đổ công trình xây dựng ở Trung Quốc giai đoạn 2001 - 2010

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc, một loạt các công trình chất lượng cao quốc gia, đặc biệt là sự ra đời của các công trình trọng điểm quốc gia đã đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, các công trình nhà ở với sự hài lòng của quần chúng nhân dân đã cải thiện một cách lớn lao môi trường cư trú của người dân.

I. Phân tích các sự cố đổ sụp công trình thời kỳ “5 năm lần thứ 10”

1. Thu thập số liệu

Thời kỳ “5 năm lần thứ 10” (2001 – 2005), Trung Quốc xảy ra tổng cộng hơn 100 sự cố sụp đổ công trình xây dựng, nhà ở, căn cứ tính chất kết cấu khác nhau mà phân loại như sau: phát sinh tại thành phố chiếm 65,5% tổng số các sự cố, phát sinh tại thị trấn và nông thôn chiếm 34,5% tổng số các sự cố; phát sinh trong khi xây dựng công trình chiếm 77,9% tổng số các sự cố, phát sinh khi sử dụng công trình

chiếm 22,1% tổng số các sự cố; phát sinh tại các công trình kết cấu gỗ chiếm 3,4% tổng số các sự cố, phát sinh tại công trình kết cấu bê tông chiếm 55,8% tổng số các sự cố, phát sinh tại công trình kết cấu thép chiếm 6,2% tổng số các sự cố; phát sinh tại các công trình nhà ở chiếm 22,7% tổng số các sự cố, phát sinh tại các công trình công cộng chiếm 77,2% tổng số các sự cố.

2. Đặc điểm các sự cố

- Do tiết diện của hệ thống mái nhà nhỏ, không đủ sự chống đỡ, các chi tiết chống đỡ xảy ra sự mất cân bằng và bị hỏng gây ra đổ sụp mái, chiếm 23,4% trong toàn bộ các sự cố.

- Tường hoặc cột không đủ sức chịu lực, dẫn đến tường (cột) đổ sụp, chiếm 17,2% trong toàn bộ các sự cố.

- Kết cấu chịu tải không được làm thử nghiệm chống sụp đổ hoặc do tính toán sai sót dẫn đến sụp đổ, chiếm 8,9% trong toàn bộ các sự cố.

- Sức chịu lực của sàn không đủ, gây ra đổ sụp, chiếm 7,5% trong toàn bộ các sự cố.

- Lỗi do thi công gây ra sụp đổ, chiếm 51,4% trong toàn bộ sự cố.

- Ăn bớt nguyên vật liệu, làm ẩu gây ra sụp đổ, chiếm 10,3% trong toàn bộ sự cố.

- Vi phạm quy định, tự ý thêm tầng, chiếm 2,1% trong toàn bộ sự cố.

- Cường độ bê tông không đủ, tháo cốt-pha quá sớm, sau khi tháo cốt-pha lập tức bị sụp đổ, chiếm 22,7% trong toàn bộ các sự cố.

- Nhà thầu không có năng lực hoặc vượt cấp năng lực nhận thầu công trình, chiếm 27,6% trong toàn bộ các sự cố.

- Bán thầu công trình, mất kiểm soát quản lý, chiếm 17,2% trong toàn bộ các sự cố.

II. Phân tích sự cố sụp đổ công trình thời kỳ “5 năm lần thứ 11”

1. Thu thập số liệu

Thời kỳ “5 năm lần thứ 11” (2006 - 2010), ở Trung Quốc tổng cộng phát sinh hơn 200 vụ sụp đổ công trình xây dựng, nhà ở. Theo tính

chất và kết cấu khác nhau có thể phân loại như sau:

Phát sinh tại thành phố chiếm 82,2% tổng số các sự cố, phát sinh tại thị trấn và nông thôn chiếm 17,8% tổng số các sự cố; phát sinh trong khi xây dựng công trình chiếm 90,9% tổng số các sự cố, phát sinh khi sử dụng công trình chiếm 9,1% tổng số các sự cố; phát sinh tại các công trình kết cấu gỗ chiếm 0,3% tổng số các sự cố, phát sinh tại công trình kết cấu gạch bê tông chiếm 34% tổng số các sự cố, phát sinh tại công trình kết cấu bê tông chiếm 55,2% tổng số các sự cố, phát sinh tại công trình kết cấu thép chiếm 10,4% tổng số các sự cố; phát sinh tại các công trình nhà ở chiếm 32,8% tổng số các sự cố, phát sinh tại các công trình công cộng chiếm 67,2% tổng số các sự cố.

2. Đặc điểm các sự cố

- Do tiết diện của hệ thống mái nhà nhỏ, không đủ sự chống đỡ, các chi tiết chống đỡ xảy ra sự mất cân bằng và bị hỏng gây ra đổ sụp mái, chiếm 13,3% trong toàn bộ các sự cố.

- Tường hoặc cột không đủ sức chịu lực dẫn đến tường (cột) đổ sụp, chiếm 10,8% trong toàn bộ các sự cố.

- Kết cấu chịu tải không được làm thử nghiệm chống sụp đổ hoặc do tính toán sai sót dẫn đến sụp đổ, chiếm 4,1% trong toàn bộ các sự cố.

- Sức chịu lực của sàn không đủ, gây ra đổ sụp, chiếm 20,3% trong toàn bộ các sự cố.

- Thi công sai, vi phạm quy trình gây ra sụp đổ, chiếm 48,1% trong toàn bộ sự cố.

- Ăn bớt nguyên vật liệu, làm ẩu gây ra sụp đổ, chiếm 4,6% trong toàn bộ sự cố.

- Vi phạm quy định, tự ý thêm tầng, chiếm 3,7% trong toàn bộ sự cố.

- Cường độ bê tông không đủ, tháo cốt-pha quá sớm, sau khi tháo cốt-pha lập tức bị sụp đổ, chiếm 25,7% trong toàn bộ các sự cố.

- Nhà thầu không có năng lực hoặc vượt cấp năng lực nhận thầu công trình, chiếm 17,4% trong toàn bộ các sự cố.

- Bán thầu công trình, mất kiểm soát quản lý, chiếm 9,1% trong toàn bộ các sự cố.

III. Nguyên nhân gây ra các sự cố đổ sụp công trình xây dựng, nhà ở

1. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng phản khoa học

Một số quan chức địa phương hoặc một số doanh nghiệp kinh doanh, để đạt được yêu cầu về thành tích, không quan tâm đến quy luật, quy trình thi công công trình, yêu cầu đơn vị xây dựng đẩy nhanh tiến độ, tạo ra những hiểm họa về chất lượng công trình, kết quả là “dục tốc thì bất đạt”. Tốc độ thi công tuy là nhanh nhưng lại tạo ra các công trình kém chất lượng.

2. Bán thầu, chia nhỏ gói thầu

Do thiếu vốn đầu tư xây dựng công trình dẫn tới hiện tượng bán thầu, chia nhỏ gói thầu gây ra việc các nhà thầu thứ cấp ăn bớt nguyên vật liệu. Qua mỗi lần bán thầu, chia nhỏ gói thầu, nhà thầu lại rút bớt tiền từ công trình, dẫn đến người thi công cuối cùng phải rút ruột công trình để đảm bảo lợi nhuận. Đây là hiện tượng rất phổ biến hiện nay trên thị trường xây dựng Trung Quốc.

3. Vật liệu xây dựng chất lượng kém

Vật liệu xây dựng chất lượng kém ẩn chứa những hiểm họa đối với chất lượng công trình. Dưới động cơ về lợi ích, một số nhà sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng sản xuất và tiêu thụ những sản phẩm vật liệu xây dựng chất lượng kém, giả mạo sản phẩm có chất lượng. Các đơn vị thi công buông lỏng công tác kiểm nghiệm vật liệu nhập về, những vật liệu xây dựng chất lượng kém này được sử dụng trên công trình đã tạo ra những hiểm họa về an toàn chất lượng cho công trình.

4. Tham vọng phát triển mù quáng

Quan chức mới được bổ nhiệm muốn tạo dấu ấn trong nhiệm kỳ của mình thông qua các dự án xây dựng công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà cao tầng, hy vọng như làm như vậy sẽ có được thành tích, nhân dân sẽ ủng hộ. Tuy nhiên, do nguồn thu ngân

sách hạn hẹp, không đủ để đầu tư cho các công trình, khiến cho nhà thầu phải ứng vốn, từ đó dẫn đến việc tạo ra hàng loạt công trình chất lượng kém.

5. Quản lý, giám sát không nghiêm

Việc quản lý, giám sát không nghiêm cũng là một nguyên nhân khiến cho các công trình xây dựng có chất lượng kém. Hiện nay, một bộ phận cán bộ quản lý, giám sát đã trở thành nô lệ của đồng tiền, chỉ cần đơn vị thi công chi chút tiền, khi giám sát liền mắt nhắm mắt mở, chất lượng công trình chỉ cần tạm tạm là được.

IV. Kết luận

Tóm lại, muốn ngăn chặn phát sinh các sự cố, nhất thiết phải thiết lập lại trật tự của thị trường xây dựng.

Về lâu dài, nên dựa vào cải cách theo chiều sâu về thể chế xây dựng, từng bước xây dựng nên cơ chế vận hành thị trường xây dựng hội nhập với thông lệ quốc tế và phù hợp với tình hình đất nước Trung Quốc. Thể chế xây dựng hiện hành của Trung Quốc vẫn còn lưu giữ khá nhiều vết tích của thể chế kinh tế kế hoạch, không thích ứng được với yêu cầu của nền kinh tế quốc tế và đặc điểm trong xây dựng công trình, đây là một trong những nguyên nhân sâu xa tạo ra sự hỗn loạn về trật tự và căn bệnh chất lượng công trình thấp kém khó trị tận gốc trong thị trường xây dựng hiện nay. Vì vậy, nên học theo phương pháp hiện hành của các nước phát triển và các nước trong khu vực, kết hợp với tình hình đất nước Trung Quốc, tích cực khai thác và triển khai rộng rãi cải cách tăng cường về thể chế xây dựng, nỗ lực vượt qua những trở ngại mang tính thể chế ảnh hưởng tới tình hình xây dựng công trình và sự phát triển của ngành Xây dựng Trung Quốc.

Quách Vạn Thanh

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc TQ, số 20/2011

ND: Kim Nhạn

Ứng dụng quản lý thông tin trong xây dựng đô thị

1. Sự cần thiết của thông tin

Quản lý thông tin trong các dự án xây dựng đô thị, không đơn thuần là chỉ quản lý quá trình thi công, dự án, quản lý sử dụng máy tính nội bộ, mà còn có thể gọi chung là thông tin hóa, bao hàm nội dung công việc khá rộng và chuyên sâu.

Trước hết, trong quá trình quản lý, cần tập trung tiến hành nâng cao hiệu quả xử lý thông tin, truyền đạt và kịp thời cung cấp các loại thông tin thống kê, trong quá trình xử lý thông tin hạn chế những công việc phải lặp lại nhiều lần. Hơn nữa, quản lý thông tin công trình sẽ giúp cho việc giám sát, kiểm tra những thông tin phản hồi được kịp thời và hiệu quả hơn, giúp cho tổ chức hoạt động thi công thị chính và quy trình hoạt động quản lý dự án nâng cao tính khoa học. Quản lý thông tin công trình chính là đang thực hiện theo quy định và chính sách mà chính phủ đã đề ra, có thể đảm bảo tiến hành xây dựng một cách có trình tự. Những năm gần đây, có rất nhiều đơn vị xây dựng công trình đô thị đã ứng dụng những công nghệ tiên tiến để hỗ trợ thực hiện một số công việc quản lý dự án.

2. Thúc đẩy việc ứng dụng thông tin trong xây dựng đô thị

Trước khi thực hiện dự án quản lý thông tin, cần phải xem xét nội dung cơ bản của dự án công trình để làm cơ sở tiến hành bố trí hệ thống, giữa nhân viên thực hiện và nhân viên quản lý nghiệp vụ có liên quan, làm sao có thể hỗ trợ nhịp nhàng lẫn nhau, đồng bộ, tận dụng công nghệ mạng internet và thông tin hiện đại ở mức tối đa, đồng thời có thể kết hợp với các đơn vị để cung cấp danh sách phần mềm ứng dụng quản lý dự án, mỗi hạng mục sách lược lại có ưu điểm và yếu điểm riêng, mô tả những chi phí cần thiết, cần chuẩn bị tốt những công việc sau:

a. Thông qua mối quan hệ logic trình tự thi công để phản ánh quá trình thi công dự án một

cách chuẩn xác

b. Hiểu được hàm nghĩa của các hạng mục tham số trong mạng lưới kế hoạch.

c. Phối hợp với hiện trường thi công để chỉ ra những phương hướng và hoạt động quan trọng.

d. Cung cấp thông tin chính xác về mặt chi phí, tài nguyên và tiến độ tại công trường thi công.

e. Hiểu rõ hơn về mục tiêu quản lý, công nghệ thông tin, đồng thời kết hợp với phương pháp kiểm soát, giám sát động thái thực hiện dự án.

Khi thực hiện ứng dụng quản lý thông tin trong xây dựng công trình đô thị, cần chú ý tới đặc điểm của tất cả các cấp. Trước tiên là đối với quản lý cấp tổng, chủ yếu là phụ trách toàn bộ kế hoạch của công trình, sau đó các bộ môn chức năng bao gồm có tài vụ, vật tư, kế hoạch kinh doanh, hồ sơ, chất lượng, bộ phận an toàn... đều phải có trách nhiệm về quản lý và kiểm soát thông tin về tiến độ, giá thành, hợp đồng, an toàn, chất lượng..., kịp thời nắm bắt được tình hình về tiến độ, sử dụng vốn, vật tư, can toàn, chất lượng, giá thành... trong tất cả các dự án của công ty, tiến hành giải quyết và tổng hợp phân tích.

Những công ty con sẽ phụ trách bộ phận thực hiện, họ phụ trách kế hoạch tiến độ công trình và kiểm soát tiến độ thực tế của công trình, cung cấp thông tin về vận chuyển nguyên liệu, chất lượng an toàn của công trình, liên hệ công việc..., đồng thời phụ trách việc định kỳ báo cáo cụ thể về tiến độ thi công công trình, chi phí và tài nguyên với tổng công ty.

Cấp quản lý cuối cùng trong hạng mục, sẽ cung cấp những dữ liệu tại hiện trường thi công, bộ phận thi công căn cứ vào kế hoạch tiến độ bố trí nhiệm vụ thi công hợp lý, đồng thời hàng ngày hoặc hàng tuần phải có trách nhiệm báo cáo lên cấp trên tình hình thi công, nhân viên dự án công trình có thể sử dụng hệ thống quản lý

thông tin độc lập, sau khi kiểm tra tình hình tiến độ, tài nguyên và chi phí tại hiện trường thi công, làm báo cáo về công trình, đồng thời nộp báo cáo cho bộ phận quản lý cấp tổng theo đúng thời gian quy định, nhân viên bộ phận quản lý cấp tổng sẽ vào hệ thống mạng dự án tương ứng, tiến hành cập nhật dữ liệu mới nhất. Vận dụng quản lý thông tin vào trong quản lý dự án thị chính có một số ưu điểm sau:

2.1. Giúp quản lý quy trình thực hiện và quy phạm dự án theo đúng tiêu chuẩn

Quản lý dự án chính là quản lý quy trình thực hiện, việc quản lý này giúp cho hệ thống phần mềm của doanh nghiệp đăng sau quy định tiêu chuẩn hóa được vận hành ổn định, cho dù là quản lý về doanh thu hay là quản lý mục tiêu giá thành, cho dù là kế hoạch, hợp đồng, lưu trữ, xuất kho, kết toán, báo cáo nguyên vật liệu lên cấp trên... hay là quản lý cơ giới máy móc, cho dù là quản lý nhà thầu, hay là thực hiện các nghiệp vụ khác, có thể nói, không có một hạng mục nghiệp vụ nào có thể độc lập hoàn thành được, tất cả đều phải trải qua rất nhiều quy trình thực hiện.

2.2. Phản ánh những thông tin về chi phí kinh doanh, tình hình lãi lỗ của dự án một cách kịp thời và chuẩn xác

Những chi phí cấu thành trong dự án thường bao gồm nhân công, vật liệu, cơ giới, những chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp khác... do đó, có thể phân biệt và đối chiếu chi phí và doanh thu, sự chênh lệch giữa chi phí và doanh thu chính là số liệu lãi lỗ của dự án. Dự án có 3 nguồn thu chính là dự toán trúng thầu, doanh thu từ việc thay đổi và bồi thường. Hiện nay, những hóa đơn liên quan tới môi trường, thay đổi và bồi thường đã trở thành trọng điểm kinh doanh trong quá trình thi công, trở thành nguồn lợi nhuận tập trung của dự án.

2.3. Bám sát thực hiện quản lý nguồn lực, tăng cường kiểm soát quá trình dự án

Thực hiện tốt khâu kiểm soát vạch ranh giới và chỉ tiêu hiệu suất, thiết lập vạch ranh giới

chủ yếu phải thể hiện được ranh giới của các bộ phận kinh doanh và kế hoạch thời hạn, phải điều chỉnh những kế hoạch có liên quan sao cho phù hợp. Chỉ cần có bộ phận thi công, kế hoạch và số lượng sử dụng vật liệu rõ ràng, là sẽ có số lượng vật liệu xuất kho, nếu vượt quá hạn mức, căn cứ vào hệ thống quản lý tài sản, sử dụng phương pháp phân loại ABC, sẽ có phương án giải quyết là không cho phép xuất kho, hoặc đưa ra lời nhắc nhở cảnh báo. Hàng ngày, trong mỗi một khâu công việc đều có hệ thống giám sát theo dõi, như vậy mới có thể đảm bảo ngân sách của dự án kinh doanh đến tận cuối năm.

2.4. Thiết lập nền tảng phối hợp công việc, cùng chia sẻ thông tin

Nghiệp vụ của dự án diễn ra thuận lợi phải chăng sẽ mang lại hiệu quả phối hợp công việc, một trong những biện pháp thực hiện thuận lợi là phải đảm bảo các kênh phải phối hợp chặt chẽ với nhau, các bộ phận phối hợp phải thực hiện chia sẻ thông tin và công việc, chỉ cần một khâu nghiệp vụ nào đó nếu chấp hành đúng quy định, thì bộ phận kinh doanh từ trên xuống dưới đều có thể nhận thấy, việc ứng dụng hệ thống phần mềm sẽ trở nên rõ ràng hơn.

3. Kết luận

Do đang phải đối mặt với thị trường cạnh tranh khốc liệt, nên người quản lý trong doanh nghiệp thi công công trình đô thị, vì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp mình nhất định phải ý thức đầy đủ được tính cấp thiết và tính chất quan trọng của việc quản lý thông tin trong xây dựng. Cùng với việc quản lý thông tin không ngừng phát triển, ngành xây dựng đô thị của Trung Quốc chắc chắn sẽ còn phát triển hơn nữa./.

Phuong Tử Vi – Diệp Quyền

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Trung Quốc số 14/2011

ND: Bích Ngọc - Khánh Ly

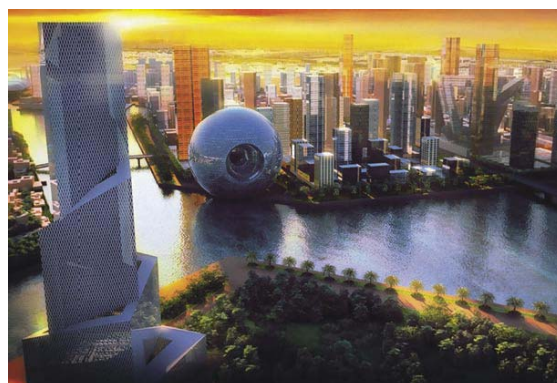
Xây dựng các thành phố trên sa mạc

Chắc hẳn không mấy ai còn hoài nghi về nhận xét rằng một quốc gia nhỏ như Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) đã trở thành một quốc gia đi đầu trong lĩnh vực xây dựng cao tầng. Từ những kỷ lục đạt được về chiều cao cũng như tính độc đáo của từng dự án riêng biệt về nhà, nay UAE đang chuyển sang xây dựng đồng bộ các khu nhà ở cao tầng.

Văn phòng kiến trúc Office for Metropolitan Architecture (OMA) đã giới thiệu quy hoạch lần cuối phát triển một khu đô thị mới với tên gọi là Waterfront City bên trong thành phố Dubai. Quy hoạch chung xây dựng khu đô thị được lập trên cơ sở khái niệm xây dựng “thành phố trong thành phố”; điều này cũng được thể hiện qua tên gọi của khu đô thị này mà được dịch ra là “Khu đô thị ven bờ”.

Cũng như các dự án có quy mô lớn khác, khu đô thị Waterfront City được xây dựng từ con số 0 tức xây dựng trên sa mạc, liền kề với thành phố hiện có. Trên khu đất không lớn diện tích 7 triệu m² sẽ xây dựng 140 triệu m² nhà văn phòng và thương mại. Nhờ khu vực mới được xây dựng này mà diện tích khu vực ven bờ sẽ tăng thêm 75%. Hy vọng đây sẽ là một trong những dự án lớn về quy mô không chỉ ở Dubai mà trên thế giới, chẳng hạn số dân khu vực trên thực tế sẽ đạt trên 1,5 triệu tăng gấp đôi so với số dân hiện nay của thành phố. Nhà văn phòng và thương mại sẽ đem lại việc làm cho ít nhất là 1 triệu người.

Khu vực mới xây dựng sẽ là một quần thể của 5 ô phố; ô phố trung tâm là một hòn đảo được bao quanh bởi các hồ nước nhân tạo và được nối với 4 ô phố còn lại bằng các cây cầu. Tách biệt với hòn đảo các khu vực xây dựng đồng bộ được đặc trưng bởi không chỉ những sự khác biệt rõ ràng của các kiểu nhà được xây dựng mà còn bởi xu hướng công năng và sự phù hợp của mỗi một kiểu nhà đối với một tầng lớp dân cư nhất định.



Một góc thành phố Dubai



Ô phố trung tâm có tên là Hòn đảo (Island) là một khu đất hình vuông kích thước 1301 m x 1310m. Hồ nước nhân tạo được nối với vịnh Pecxich bằng đường thủy tự nhiên và với sự hỗ trợ của một số kênh đào nhân tạo phục vụ cho việc mở rộng các ô phố ven bờ của khu vực như Madinat Al Soor, The Boulevard, The Marina, The Resorts.

Chủ đầu tư đặt ra những yêu cầu cụ thể đối với nhiệm vụ thiết kế là xây dựng khu đô thị không bị phụ thuộc vào phương tiện giao thông ô tô ở mức tối đa do khu vực xây dựng không chỉ bao gồm nhà văn phòng và nhà ở mà cả các công trình văn hoá, điều đó dẫn đến kết quả chỉ có thể có một phương án duy nhất. Hình mẫu được sử dụng cho việc thiết kế khu đô thị Hòn đảo là khu Manhattan ở New York. Mật độ xây dựng tương đương New York; quy hoạch được

lập theo nguyên tắc thành phố thương mại của Mỹ với mạng lưới đường phố giao cắt nhau theo hình vuông. Nhìn từ trên xuống hòn đảo trông tựa hình vuông được chia đều ra 25 khu vực mỗi khu vực có 5 khối. Cách quy hoạch này cho phép bảo đảm khả năng thông xe cao nhất cho phương tiện giao thông và “khả năng tiếp cận cho người đi bộ”. Khái niệm này được hiểu là sự bố trí tương hỗ của các khu vực nhà ở, văn phòng, thương mại và vui chơi giải trí nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cư dân dễ dàng đi vào một trong các khu vực đó mà không phải sử dụng ô tô. Điều đó giúp giảm đáng kể số lượng ô tô lưu thông trên đường. Ngoài ra, hệ thống giao thông bao gồm đường tàu điện ngầm, phương tiện giao thông trên mặt đất và đường thủy sẽ kết nối đảo với các ô phố còn lại với nhau, tạo nên một không gian thống nhất với phần còn lại của thành phố kể cả bảo đảm sự kết nối liên tục với sân bay quốc tế Al Maktoum của Dubai đang được xây dựng. Cấu trúc giao thông công cộng phát triển biển Waterfront City trở thành đầu mối trung chuyển của thành phố.

Tại đảo trung tâm có các toà nhà văn phòng và nhà ở cùng với các công trình kết cấu hạ tầng kèm theo như cửa hàng, quán cà phê, cửa hàng ăn, các cửa hàng cung cấp dịch vụ sinh hoạt kể cả các công trình văn hoá - phúc lợi. Sự cân đối của các loại công trình với các công năng khác nhau đã được tính toán kỹ. Xây dựng các toà nhà siêu cao tầng với mật độ cao kết hợp với các trung tâm sử dụng thời gian nhàn rỗi là phương pháp tổ chức không gian đô thị hợp lý nhất do các công trình với các công năng khác nhau thì khác nhau bởi nhu cầu sử dụng vào các thời gian khác nhau. Như vậy, tại khu vực trung tâm, theo ý tưởng của các kiến trúc sư, cuộc sống sẽ sôi động trong suốt 24 giờ của một ngày đêm. Nếu vào ban ngày các toà nhà văn phòng là nơi thu hút những người làm việc thì buổi chiều và tối các trung tâm vui chơi giải trí và nghỉ ngơi sẽ là nơi có sức thu hút cư dân. Một phần của đảo dự định được dành cho các

công viên; không xa cách công viên là nhà thờ hồi giáo - nơi khách du lịch không thể không đến thăm theo chương trình du lịch.

Ô phố The Boulevard bao bọc một nửa hồ nước nhân tạo về phía Đông và phía Nam của bờ hồ và bị giới hạn một mặt bởi hồ nước mặt khác bởi đường ô tô vành đai cho phép đi vòng quanh Waterfront City mà không đi vào khu đô thị. Tại đây dọc theo đường ven bờ sẽ xây dựng các toà nhà dạng tháp và được ngăn cách với đường ô tô bởi một công viên công cộng rộng lớn - Công viên Boulevard. Công viên sẽ không có ranh giới rõ ràng và thông qua các khu đất Công viên sẽ mở rộng đến tận mặt nước. Khác với các ô phố khác, dọc theo đường ven bờ về phía ô phố The Boulevard sẽ không xây dựng các công trình ven bờ. Diện mạo khu vực dọc theo ranh giới của hồ tạo ấn tượng về nguồn gốc tự nhiên của hồ; các bãi tắm và cầu cảng dành cho thuyền buồm, canô và các bụi cây xoài được bố trí theo trật tự tự nhiên. Việc xây dựng đồng bộ đòi hỏi sự xem xét cân đối các công năng của nhà tuy nhiên đặc tính xã hội của ô phố được đặc biệt quan tâm. Các công trình văn hoá cũng được quan tâm và bố trí đồng đều trong toàn bộ khu vực. Vị trí xây dựng sân vận động cũng được xem xét nếu đây là sự cần thiết. Mặc dù công viên được khai thác theo quy chế công cộng, tuy nhiên một số khu vực của công viên dự định sẽ được chuyển giao thành sở hữu của nhà thầu xây dựng. Sự bố trí nhà trong khu vực cây xanh và có đường tiếp cận với mặt nước vịnh Pecxich cần phải thu hút được các khách hàng giàu có mà cần cầu cảng dành cho du thuyền. Điều đó được thể hiện trên giá thị trường của bất động sản.

Sau đó đến ô phố Madinat Al Soor tương phản cao với các công trình xây dựng bao quanh nó. Việc thiết kế ô phố được thực hiện theo phong cách A rập truyền thống của công trình xây dựng theo. Nhìn chung đây là một tập hợp của nhiều nhà thấp tầng mà với cách nhìn thoáng qua sẽ để lại cảm giác đường như

không có tính trật tự và không có tính hệ thống. Tính truyền thống được thể hiện không chỉ thông qua phong cách kiến trúc truyền thống mà còn bằng sự hỗ trợ của các yếu tố như tường rào cao che khuất các sân nhỏ bên trong, hệ thống các đường phố ngoằn ngoèo và phức tạp mà chủ yếu là dành cho người đi bộ và các đặc tính thể hiện khác của các phần của một đô thị đang trong quá trình phát triển tự phát. Thêm vào đó ô phố lại được thiết kế đáp ứng các yêu cầu mới của thực tiễn xây dựng đô thị hiện đại bởi vì chức năng chủ yếu của Madinat Al Soor là nơi nghỉ dưỡng và giải trí của khách du lịch và các đối tác nước ngoài của các cty. Khu vực văn phòng tại đây được giảm đến mức tối thiểu cần thiết, điều này được bù đắp một cách dư dật bởi sự bố trí thuận lợi của ô phố như một mặt là khu đô thị Waterfront City nằm liền kề với khu vực “Stena” nổi bật bởi các toà nhà siêu cao tầng được xây dựng dọc theo đường bờ biển, cách đây không xa là bãi tắm và các trung tâm thương mại chính như “Spiral” và “Sfera”. Sự kết hợp giữa bản sắc địa phương thời kỳ Trung thế kỷ, bầu không khí biệt lập, sự thuận lợi tiếp cận nhanh với hầu như tất cả các lợi ích của nền văn minh khiến ô phố này trở thành một địa điểm đặc biệt tiện nghi hiếm thấy đối với cư dân.

Ô phố The Resorts được dành hẳn cho nhu cầu nghỉ dưỡng và cung cấp kết cấu hạ tầng. Tại đây sẽ có các khách sạn mini, hồ bơi, bãi tắm và các công trình thể thao, có thể nói tất cả những gì nhằm đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi của các lữ khách có yêu cầu cao. Trong số các công trình thương mại sẽ chỉ xây dựng duy nhất một công trình cao tầng “Spiral” trong đó bố trí các văn phòng hạng cao nhất và các khách sạn sang trọng. Tuy nhiên, tất cả đã thay đổi, tại đây chẳng bao lâu nữa thay vì xây dựng công trình “Spiral” hoặc ngay bên cạnh công trình này sẽ xây dựng một công trình siêu cao tầng mà chức năng chủ yếu là nhà ở.

The Marina là một ô phố nằm bên bờ biển,

điều đó xác định chức năng chủ yếu của ô phố là nơi bố trí các cầu cảng thuộc sở hữu tư nhân cũng như của các câu lạc bộ thuyền buồm; nhà máy đóng tàu trung tâm của Dubai, các xưởng đóng tàu và sửa chữa tàu thuyền. Nhà ở của ô phố - nơi ở chủ yếu của các chủ tàu và những người giàu có cũng là một vấn đề đang được quan tâm. Khác với các ô phố khác, ô phố The Marina là sự tiếp nối của khu vực Marina Dubai ven biển đã có từ trước.

Mặc dù đang phải thực hiện một khối lượng công việc rất lớn, Xưởng thiết kế OMA đã cố gắng né tránh tình trạng rập khuôn trong xây dựng. Ngoài đảm bảo tính cá biệt của các ô phố, các kiến trúc sư còn xem xét kỹ từng toà nhà cụ thể. Mặc dù hiện nay bộ mặt của tất cả các toà nhà còn chưa xác định xong tuy nhiên các đặc tính chung của chúng đã có thể hình dung được, chẳng hạn các toà nhà được xem là độc đáo trên thế giới như “Spiral” và “Sfera”.

Đồ án toà nhà “Sfera” của tác giả Rem Kulhas đã gây ấn tượng mạnh tại Diễn đàn với cả một làn sóng có đồ án phỏng theo. Hình khối chính của công trình mà bên trong được bố trí trung tâm báo chí, khách sạn, nhà ở, văn phòng và cửa hàng là một hình cầu lớn được xây dựng từ kính và thép. Một khối nhà hình hộp chữ nhật được đặt xuyên vào quả cầu dưới hình thức đường như đang bay bổng bên trên mặt đất, sẽ là nơi bố trí trung tâm triển lãm. Theo tác giả ưu điểm chủ yếu của đồ án là sự hoàn thiện của các hình dáng hình học thể hiện cho tính biệt tượng vạn năng của các nền văn hoá khác nhau ở phương Đông và phương Tây.

“Spiral” là công trình đa năng cao 82 tầng bên trong được bố trí khách sạn, văn phòng và nhà ở cao cấp. Khái niệm cho rằng điểm nhấn trong thành phố chỉ là công trình có chiều cao cao hơn các công trình khác xung quanh nó đã không đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư A Rập - những người vốn vẫn quen với quan niệm rằng đối với Dubai điểm nhấn cần phải là công trình rất đặc biệt. Vì vậy, năm 2007 đã

thông qua quyết định xây dựng tại khu đô thị Waterfront City toà tháp Al Burj với chiều cao cuối cùng đạt được là 1420 mét kể cả nóc nhọn của nó. 228 tầng nhà chứa các căn hộ cao cấp loại “Siêu sang trọng” (Ultra Lux) và nhà hàng vươn lên cao trong thành phần của tổ hợp công trình bao gồm 3 toà tháp được hợp nhất trên một nền chung và được gắn kết thành khối vững chắc thông qua các cây cầu đặt trên chiều cao khác nhau.

Bên cạnh đó, cũng có các nhà đầu tư đang nóng lòng chờ đợi sự thông báo bán căn hộ tại

từng dự án mới đã được công bố. Việc một số trong số họ đã thu được 150% lãi ròng trong thời gian 10 tháng từ sự đầu tư vào các dự án đã gần hoàn thành càng làm tăng thêm sự ham muốn. Vấn đề còn lại là dự đoán xem đây là sự mạo hiểm hay sự tính toán sáng suốt.

Vladimir Polykarpov

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng cao tầng Nga
số 8/2011*

ND: Huỳnh Phước

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đi thăm và chúc Tết Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, dự Hội nghị triển khai nhiệm vụ công tác năm 2012 của Sở Xây dựng Vĩnh Phúc

Sáng ngày 19/01/2012, Đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã đến thăm chúc Tết Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhân dịp Tết Nhâm Thìn 2012.

Đón tiếp Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc có đồng chí Phạm Văn Vọng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, đồng chí Phùng Quang Hùng - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh và các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh Vĩnh Phúc, thành phố Vĩnh Yên.

Thay mặt lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phúc, Bí thư tỉnh ủy Phạm Văn Vọng cho biết, năm 2011 vừa qua là năm đầu tiên tỉnh ủy, UBND tỉnh triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn và diễn biến phức tạp. Đảng bộ và Chính quyền các cấp của tỉnh Vĩnh Phúc đã kiên trì quán triệt Nghị quyết số 11 của Chính phủ về kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội thông qua các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể. Năm 2011, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã nỗ lực vượt qua khó khăn, đạt được những thành tựu đáng ghi nhận về phát triển kinh tế - xã hội, công tác văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến, an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm ổn định. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2011 của Vĩnh Phúc đạt 14,83%, vượt kế hoạch đề ra (14-14,5%), tổng thu ngân sách đạt 16.714 tỷ đồng, GDP bình quân/người đạt khoảng 43 triệu đồng/người/năm.



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng chúc Tết Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ vui mừng trước những thành tích đã đạt được của tỉnh Vĩnh Phúc trong năm 2011, mặc dù năm 2011 là năm có nhiều khó khăn, thách thức, Vĩnh Phúc vẫn duy trì được tăng trưởng ổn định, các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, bộ máy các cấp được kiện toàn. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng mong muốn các đồng chí lãnh đạo của tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, kế thừa sự nghiệp của các thế hệ lãnh đạo trước và thành tựu của 25 năm đổi mới để đưa Vĩnh Phúc tiếp tục phát triển. Với tình cảm của một người đã từng gắn bó nhiều năm với Vĩnh Phúc trên cương vị Bí thư tỉnh ủy (02 nhiệm kỳ), Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã thăm hỏi và gửi những lời chúc tốt đẹp nhất đến toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhân dịp cả nước chuẩn bị đón Xuân Nhâm Thìn 2012.

Đến dự Hội nghị triển khai công tác năm 2012 của Sở Xây dựng Vĩnh Phúc, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng ghi nhận, đánh giá cao

và biểu dương những cố gắng, nỗ lực vượt qua khó khăn của lãnh đạo, cán bộ CNVC- LĐ của ngành Xây dựng Vĩnh Phúc để hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, 3 trong số 10 thành tựu tiêu biểu của tỉnh Vĩnh Phúc năm 2011 có sự đóng góp quan trọng của Sở Xây dựng, đó là Quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, là một trong số 2 tỉnh hoàn thành sớm nhất công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới, chủ trì và phối hợp với các sở ngành có liên quan tham mưu cho tỉnh về cơ chế tạo đất ở, đất dịch vụ, đất giãn dân trên địa

bàn tỉnh, góp phần quan trọng tạo ra sự ổn định xã hội trên địa bàn, đóng góp cho sự phát triển chung của tỉnh Vĩnh Phúc.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng chúc mừng những thành tích đã đạt được của ngành Xây dựng Vĩnh Phúc, trao Cờ thi đua của Bộ Xây dựng cho Sở Xây dựng Vĩnh Phúc và chúc toàn thể cán bộ, CNVC-LĐ ngành Xây dựng sang năm mới 2012 nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Minh Tuấn

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng dự Lễ phát động Tết trồng cây Xuân Nhâm Thìn và khởi công xây dựng Khu đô thị Đặng Xá II tại huyện Gia Lâm, Hà Nội

Sáng ngày 30/1/2012 (tức 08 Tết Âm lịch), Tổng Công ty Viglacera và UBND huyện Gia Lâm đã tổ chức Lễ phát động Tết trồng cây Xuân Nhâm Thìn và khởi công xây dựng Khu đô thị mới Đặng Xá II. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Thảo đã đến dự.

Tham dự Tết trồng cây tại Dự án Khu đô thị mới Đặng Xá còn có các đồng chí lãnh đạo Bộ Xây dựng, UBND thành phố Hà Nội, UBND huyện Gia Lâm, Tập đoàn phát triển nhà và đô thị Việt Nam (HUD), cán bộ, công nhân viên T Cty Viglacera và các đơn vị thành viên cùng đông đảo nhân dân huyện Gia Lâm.

Phát biểu tại buổi Lễ, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã đánh giá cao sự phối hợp của T Cty Viglacera và UBND huyện Gia Lâm trong việc tổ chức Lễ phát động Tết trồng cây Xuân Nhâm Thìn tại dự án Khu đô thị mới Đặng Xá, huyện Gia Lâm. Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, trong bối cảnh Hà Nội đang triển khai thực hiện quy hoạch chung xây dựng thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trở thành một thu đô xanh, văn hiến, văn minh và hiện đại thì việc phát động Tết trồng cây không chỉ có ý



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ nghĩa góp phần phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường mà còn có ý nghĩa về văn hóa và nhân văn rất sâu sắc. Đồng thời với Lễ phát động Tết trồng cây, T Cty Viglacera cũng tiến hành khởi công xây dựng khu đô thị Đặng Xá II - mà trong tương lai sẽ trở thành một khu đô thị mẫu của Hà Nội và của cả nước. Đây là dự án đô thị được khởi công đầu tiên trong năm 2012 trong điều kiện nền kinh tế đất nước và thị trường bất động sản đang rất khó khăn. Việc khởi công xây dựng dự án khu đô thị Đặng Xá II sẽ khẳng định quyết tâm của ngành Xây dựng, của UBND thành phố Hà Nội, huyện Gia Lâm, Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam và T Cty

Viglacera trong việc thực hiện bằng được Chiến lược phát triển nhà ở vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó chú trọng phát triển nhà ở cho người thu nhập thấp.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng bày tỏ tin tưởng, với sự hỗ trợ của Nhà nước, UBND thành phố Hà Nội, UBND huyện Gia Lâm trong việc miễn tiền sử dụng đất xây dựng nhà ở xã hội, chắc chắn khu vực này sẽ tạo ra một khu đô thị mới văn minh, có điều kiện sống ngày càng tốt hơn, giá cả phù hợp với thu nhập của người dân còn đang khó khăn về nhà ở. Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cảm ơn sự phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ tích cực của UBND thành phố Hà Nội để ngành Xây dựng và các doanh nghiệp ngành Xây dựng phát triển, tham gia và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển của thủ đô Hà Nội.

Phát biểu tại buổi Lễ, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Thảo đã biểu dương những nỗ lực và cố gắng của TCty Viglacera trong việc khởi công xây dựng Khu Đô thị Đặng Xá II trong ngày làm việc đầu năm Nhâm Thìn 2012, góp phần tạo ra cho thủ đô một khu đô thị hiện đại, trong đó có một quỹ nhà ở xã hội lớn dành cho người thu nhập thấp và các đối tượng xã hội, trong bối cảnh kinh tế đất nước và thị trường bất động sản ở Hà Nội đang gặp nhiều khó khăn. Cũng nhân dịp này, Chủ tịch Nguyễn Thế Thảo cũng cảm ơn sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ của Bộ Xây dựng trong việc hoàn thành quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt - một



Chủ tịch Nguyễn Thế Thảo phát biểu và phát động Tết trồng cây Xuân Nhâm Thìn 2012 và khởi công Khu đô thị Đặng Xá II



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Chủ tịch Nguyễn Thế Thảo tham gia trồng cây tại Dự án Khu đô thị Đặng Xá II

sự kiện chính trị quan trọng đối với thủ đô và đất nước - tạo tiền đề cho Hà Nội phát triển thành một thủ đô xanh, văn hiến, văn minh, hiện đại trong tương lai. Thay mặt lãnh đạo thành phố, Chủ tịch Nguyễn Thế Thảo đã phát động Tết trồng cây Xuân Nhâm Thìn 2012 và khởi công Khu đô thị Đặng Xá II.

Minh Tuấn

Hội nghị tổng kết công tác năm 2011 của Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản

Ngày 12/01/2011 tại Hà Nội, Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản - Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2011 và chương trình công tác năm 2012. Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn

Trần Nam đã đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Báo cáo tại Hội nghị, ông Nguyễn Mạnh Hà - Cục trưởng Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản đã khái quát tình hình hoạt động của

Cục trên tất cả các phương diện về thực hiện chức năng quản lý nhà nước; tình hình triển khai các chương trình, đề án lớn trong lĩnh vực phát triển nhà ở, quản lý thị trường bất động sản; công tác nghiên cứu khoa học; công tác tổ chức cán bộ...

Theo Báo cáo kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ năm 2011 của Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản, lãnh đạo Cục luôn xác định việc nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là một trong những nhiệm vụ quan trọng và có sự phân công cụ thể trong lãnh đạo Cục, lãnh đạo các phòng chức năng và toàn thể cán bộ, công chức trong Cục. Kết quả, năm 2011, Cục đã hoàn thành việc nghiên cứu, xây dựng 12 văn bản quy phạm pháp luật, đề án liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về nhà ở, công sở và thị trường bất động sản. Trong đó có những văn bản quan trọng như: Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Chỉ thị số 2196/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp tăng cường quản lý thị trường bất động sản; Chỉ thị số 1073/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý và hiện đại hóa công sở của các cơ quan hành chính ở địa phương theo hướng tập trung (phối hợp với Bộ Tài chính); Thông tư số 12/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 74/2005/NĐ-CP của Chính phủ về phòng chống rửa tiền đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; Thông tư số 14/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư ...

Về việc chỉ đạo triển khai các Chương trình phát triển nhà ở, tính đến 31/12/2011, các địa phương trong cả nước đã hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho trên 470 nghìn hộ nghèo, đạt 95%, cơ bản hoàn thành trước 01 năm Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số



Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam phát biểu tại Hội nghị

167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, mang lại hiệu quả rõ rệt, được dư luận xã hội đánh giá cao. Chương trình xây dựng cụm, tuyển dân cư vượt lũ giai đoạn 2 cũng đã được triển khai tích cực, đã khởi công, đắp bờ bao 149/178 dự án, đạt 84%; hoàn thành tôn nền, đắp bờ bao 115/178 dự án (đạt 65%); Trong năm 2011 đã xây dựng xong 3.372 căn nhà, bố trí 23.038/57.252 hộ dân vào ở trong cụm, tuyển, bờ bao khu dân cư. Qua trận lũ vừa qua bằng với đỉnh lũ lịch sử năm 2000 đã cho thấy Chương trình này đạt được hiệu quả rõ rệt. Về Chương trình nhà ở sinh viên, đến hết tháng 11/2011 tại 94 dự án thuộc 28 tỉnh, thành phố và 02 Bộ: Công an và Quốc phòng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục có 153/251 khối nhà được hoàn thành đưa vào sử dụng, đáp ứng 130.000 chỗ ở cho sinh viên. Các dự án nhà ở sinh viên được thiết kế phù hợp, một số dự án được thiết kế hiện đại, tiến độ thi công nhanh, chất lượng thi công tốt, các dự án hoàn thành đều phát huy hiệu quả. Các chương trình nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, nhà ở cho người thu nhập thấp tại đô thị cũng đang được triển khai tích cực, được nhiều doanh nghiệp, địa phương ủng hộ và tham gia, được xã hội đồng tình và đánh giá cao.

Về công tác quản lý thị trường bất động sản, năm 2011, Cục đã phối hợp với Thanh tra Bộ,

các Sở Xây dựng Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các Bộ, ngành liên quan tổ chức nhiều đợt thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về trình tự, thủ tục đầu tư, huy động vốn và mua bán, chuyển nhượng của các chủ đầu tư tại các dự án phát triển nhà ở, khu đô thị mới. Kiểm tra thường xuyên hoạt động của các sàn giao dịch bất động sản để kịp thời chấn chỉnh các sai phạm về giao dịch, thực hiện các dịch vụ trong kinh doanh bất động sản.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đánh giá cao và ghi nhận những nỗ lực của lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức của Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản trong năm 2011, đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Bộ giao, giúp Bộ hoàn thành nhiệm vụ quản lý nhà nước về nhà ở, công sở và thị trường bất động sản, trong đó lĩnh vực phát triển nhà ở có thành tích nổi bật, được Thủ tướng Chính phủ đánh giá "là một điểm sáng trong hoạt động của Bộ Xây dựng năm 2011" tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm 2012 của Ngành Xây dựng diễn ra ngày 6/1/2012 vừa qua tại Hà Nội.

Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cũng bày tỏ đồng tình với bản Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2011 và các chương trình công tác năm 2012 của Cục. Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam nhấn mạnh những nhiệm vụ quan trọng của Cục trong năm 2012, đó là tổ chức triển khai Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia

đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó có 08 chương trình nhà ở; nghiên cứu xây dựng Chiến lược quản lý và phát triển thị trường bất động sản; vấn đề phát triển nhà ở nông thôn; Trong các giải pháp thực hiện, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam lưu ý lãnh đạo Cục cần phải chủ động về nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính, cho phát triển nhà ở và bất động sản. Trong bối cảnh nguồn đầu tư công hạn chế, tín dụng tiếp tục bị kiểm soát chặt chẽ, Cục cần phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế tăng cường khai thác các nguồn vốn nước ngoài, vốn ODA, vốn vay nước ngoài để tạo nguồn lực cho phát triển nhà ở và bất động sản. Bên cạnh đó, Cục cũng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, thông tin về các chương trình, đề án phát triển nhà ở đang triển khai để tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Nhân dịp Hội nghị tổng kết công tác năm 2011 của Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản và chuẩn bị đón Tết Nhâm Thìn 2012, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam mong muốn Cục tiếp tục phát huy "điểm sáng" trong lĩnh vực phát triển nhà ở, chúc mừng những thành tích của Cục và chúc toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của Cục một năm mới - sức khỏe, hạnh phúc và thành công./.

Minh Tuấn

Công tác sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước của Bộ Xây dựng

Năm 2011, với bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động lớn do chịu ảnh hưởng sâu sắc từ khủng hoảng kinh tế toàn cầu và tác động của việc thực hiện các giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, các doanh nghiệp ngành xây dựng đang phải đối mặt với

nhiều thách thức lớn do thị trường xây dựng bị thu hẹp, dự án đầu tư bị cắt giảm nhiều, giá các yếu tố đầu vào và lãi suất vốn tăng cao đã tác động không nhỏ tới hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Mặc dù vậy, với sự quyết tâm, nỗ lực của các đơn vị; các doanh nghiệp do Bộ Xây dựng là chủ sở hữu phần vốn Nhà nước hoặc quản lý trực tiếp đã duy trì được sản xuất

và đạt được mục tiêu tăng trưởng. Nhiều doanh nghiệp có tăng trưởng khá cao so với năm 2010; nhiều công ty cổ phần thực hiện chia cổ tức năm 2011 cho các cổ đông với tỷ lệ 15% - 20%, đảm bảo theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2011 của các doanh nghiệp đề ra. Mặc dù khó khăn nhưng nhiều doanh nghiệp đã nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu triển khai đổi mới công nghệ nên tạo ra nhiều sản phẩm có uy tín, thương hiệu mạnh. Đặc biệt, trong bối cảnh lạm phát, một số đơn vị đã đóng góp quan trọng bình ổn giá, góp phần ổn định xã hội, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên, do nhiều doanh nghiệp có số vốn điều lệ thấp, không ngang tầm với kế hoạch SXKD, dẫn đến hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu cao, lợi nhuận thấp (đơn cử có đơn vị vốn điều lệ 600 tỷ đồng nhưng doanh thu hàng năm khoảng 15.000 tỷ). Bên cạnh đó, còn một số doanh nghiệp trước đây đầu tư dàn trải hoặc đầu tư vốn vào các lĩnh vực không phải thế mạnh của mình đã gặp rất nhiều khó khăn kể cả trong giai đoạn đầu tư và khi vận hành sản xuất do thiếu kinh nghiệm quản trị, đầu tư chủ yếu bằng nguồn vốn vay, dẫn đến không có khả năng trả nợ (như đầu tư vào sản xuất xi măng). Một số doanh nghiệp chuyển đổi sang mô hình cổ phần đã nhiều năm nhưng vẫn chưa hết khó khăn do còn tồn tại nhiều về tài chính, quản trị doanh nghiệp nên kết quả SXKD thấp, chia cổ tức thấp hoặc không chia cổ tức do hoạt động không hiệu quả.

Công tác sắp xếp đổi mới DNNN luôn được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ ngành tập trung hoàn thiện và ban hành nhiều cơ chế, chính sách tạo khung pháp lý cho tổ chức hoạt động, thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu, cơ chế quản lý Nhà nước và quản lý của chủ sở hữu Nhà nước đối với DNNN như: Ban hành Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, thay thế cho Nghị định 109/2007 trước đây;

Nghị định số 66/2011/NĐ-CP Quy định việc áp dụng Luật Cán bộ, công chức đối với các chức năng lãnh đạo, quản lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước; Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg ngày 04/3/2011 về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại DNNN; phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Sông Đà, Tập đoàn HUD, TCty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem); Bộ Tài chính đã ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Tập đoàn Sông Đà, HUD, Vicem...; hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp; Nghị định về thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu Nhà nước đối với công ty TNHH một thành viên thay thế Nghị định 132/2005; Nghị định về thành lập mới, tổ chức lại và giải thể công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu....; đồng thời Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính đã xây dựng các đề án liên quan đến sắp xếp, đổi mới DNNN như: Đổi mới doanh nghiệp theo thông lệ kinh tế thị trường; Tách chức năng quản lý Nhà nước với chức năng thực hiện quyền của chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước; nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực DNNN; Tái cấu trúc DNNN (trọng tâm là Tập đoàn, tổng công ty Nhà nước)....;

Trong thời gian qua, Bộ Xây dựng đã đóng góp quan trọng, hiệu quả các nội dung các nghị định, văn bản hướng dẫn, đề án về sắp xếp đổi mới doanh nghiệp của Chính phủ nêu trên. Đồng thời với trách nhiệm là cơ quan quản lý ngành, Bộ Xây dựng thường xuyên góp ý kiến cho các tỉnh, cơ quan khác về kế hoạch, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ. Trong những năm tới, với các cơ chế, chính sách trên được ban hành, chúng ta hy vọng sẽ tạo cho các doanh nghiệp ngành Xây dựng có cơ cấu hợp lý hơn, nâng cao hiệu quả hoạt động hơn.

Được xác định là giải pháp quan trọng để thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển giai đoạn 2011 - 2015, ngay từ đầu năm 2011, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo các tổng công ty do Bộ là chủ sở hữu phần vốn Nhà nước (TCty Xây dựng số 1-CC1, TCty Đầu tư và phát triển đô thị, khu công nghiệp Việt Nam - IDICO, TCty Vật liệu xây dựng số 1 - FICO, TCty Tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam - VNCC) và các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước do Bộ quản lý trực tiếp (Sông Đà, HUD, VICEM) quán triệt nội dung tại Quyết định 14/QĐ-TTg; xây dựng phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp giai đoạn 2011 - 2015; tập trung xử lý những tồn đọng về tài sản, tài chính, lao động. Hiện tại, với gần 400 doanh nghiệp là doanh nghiệp thành viên (bao gồm cả các công ty con và công ty liên kết) do các tập đoàn, tổng công ty, các tổng công ty tham gia tập đoàn quản lý có 28 doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước; còn lại là các công ty cổ phần và TNHH 2 thành viên trở lên. Theo quy mô vốn điều lệ: Có 3 doanh nghiệp trên 4.600 tỷ đồng, 2 doanh nghiệp từ 1.000 đến dưới 4.600 tỷ, 27 doanh nghiệp từ 500 tỷ đến dưới 1.000 tỷ, 83 doanh nghiệp từ 100 đến 500 tỷ, 133 doanh nghiệp có vốn điều lệ từ 20 đến 100 tỷ, còn lại là dưới 20 tỷ đồng.

Phương án sắp xếp doanh nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 của các tổng công ty đã được Hội đồng thành viên, Ban lãnh đạo doanh nghiệp quan tâm, xây dựng trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng hoạt động của doanh nghiệp và dự báo cho các năm tiếp theo, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển của từng doanh nghiệp. Trong năm 2011, Bộ Xây dựng chỉ đã chỉ đạo các đơn vị thường xuyên rà soát tình hình thực hiện SXKD, thực trạng tài chính của nhiều đơn vị do Bộ là chủ sở hữu phần vốn nhà nước hoặc quản lý trực tiếp. Đồng thời, phối hợp với các Bộ ngành thành lập các đoàn kiểm tra, khảo sát nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động, nắm bắt các khó khăn, thuận lợi trong hoạt động của các nhà máy xi măng thuộc các thành phần kinh tế khác nhau theo chỉ đạo của lãnh đạo

Chính phủ nhằm đề xuất với Chính phủ các giải pháp đẩy mạnh công tác sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất xi măng.

Quý IV/2011, Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp các tổng công ty do Bộ làm chủ sở hữu; có ý kiến với Thủ tướng Chính phủ về phương án sắp xếp của TCty Công nghiệp Xi măng Việt Nam. Theo đó, các TCty IDICO, FICO, CC1 và Vicem sẽ thực hiện sắp xếp theo hình thức cổ phần hoá công ty mẹ giai đoạn 2012 - 2015. Các tổng công ty chỉ còn nắm giữ chi phối tại các doanh nghiệp hoạt động ngành nghề kinh doanh chính, có hiệu quả. Tập đoàn Sông Đà và HUD hiện nay đang hoàn thiện phương án, sẽ trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian tới.

Thực hiện Luật Doanh nghiệp, nhằm nâng cao công tác quản lý phần vốn nhà nước, Bộ đã bổ nhiệm Kiểm soát viên các tập đoàn, tổng công ty; chủ động tổ chức xây dựng, ban hành Quy chế tạm thời về hoạt động của Kiểm soát viên và tổ chức sinh hoạt định kỳ để giúp chủ sở hữu kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp. Mặc dù là một mô hình mới, còn nhiều bất cập trong thực tế hoạt động do Chính phủ chưa ban hành quy chế hoạt động, song qua các hoạt động Kiểm soát viên, đã góp phần kịp thời tổng hợp tình hình hoạt động của các đơn vị; tham mưu đề xuất được với lãnh đạo Bộ trong công tác đổi mới doanh nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh đó một số Kiểm soát viên còn kiêm nhiệm nhiều việc của doanh nghiệp hoặc chưa có đủ kinh nghiệm nên báo cáo hoạt động còn sơ sài, chưa chủ động trong thực thi nhiệm vụ của mình.

Lãnh đạo các doanh nghiệp do Bộ quản lý trực tiếp luôn nhận thức tầm quan trọng của việc sắp xếp đổi mới doanh nghiệp, đặc biệt là đổi mới quản trị doanh nghiệp. Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới và trong nước, các yếu kém trong công tác quản trị doanh nghiệp càng bộc lộ rõ. Nhiều doanh nghiệp

chưa đầu tư đổi mới chiều sâu, chưa đổi mới về khoa học công nghệ nên chưa có nhiều sản phẩm tốt cho xã hội. Đánh giá được những khó khăn, nguy cơ của doanh nghiệp mình, nhiều đơn vị đã chủ động xây dựng chiến lược kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất phù hợp hơn với khả năng quản lý, khả năng huy động vốn của doanh nghiệp; tập trung giải quyết các tồn tại tài chính nhằm đẩy nhanh công tác cổ phần hoá, bán bớt, bán hết phần vốn góp của doanh nghiệp tại các doanh nghiệp thành viên kém hiệu quả.

Năm 2011, trong khi thị trường chứng khoán không thuận lợi, giá trị cổ phiếu nhiều doanh nghiệp giảm sâu dưới mệnh giá; việc bán cổ phần lần đầu thành công khi cổ phần hoá TCty Miền Trung thuộc IDICO, Cty Xây dựng và phát triển đô thị - Trường đại học kiến trúc Hà Nội, Bộ phận xây dựng Trung tâm Trắc địa và xây dựng - Viện Khoa học công nghệ xây dựng đã tạo được sự tích cực đối với công tác sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp thuộc Bộ.

Năm 2012 và những năm tới, công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp là nhiệm vụ quan trọng của Đảng và Chính phủ, cùng với nhiệm vụ trọng tâm là tái cơ cấu nền kinh tế đã được Hội nghị Trung ương 3 khóa 11 quyết định. Thông điệp đầu năm mới 2012 của Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định tái cơ cấu doanh nghiệp là một trong những nội dung của quá trình tái cơ cấu nền kinh tế “Quá trình tái cơ cấu nền kinh tế được mở đường từ các chính sách vĩ mô nhưng lại phải được thực hiện trong từng doanh nghiệp. Tái cơ cấu doanh nghiệp là cơ sở tạo nên diện mạo mới của nền kinh tế. Để tái cơ cấu doanh nghiệp, phải ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong sản xuất và quản lý, phải đổi mới mô hình tổ chức và phương pháp quản trị doanh nghiệp phù hợp với sự thay đổi công nghệ sản xuất và sự phát triển của thị trường nhằm tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp”.

Theo phương hướng nhiệm vụ và giải pháp tái cơ cấu DNNN 2011 - 2015 do Ban chỉ đạo

đổi mới và phát triển doanh nghiệp của Chính phủ trình bày tại Hội nghị tổng kết 10 năm sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp Nhà nước tháng 12/2011 đã yêu cầu các Bộ quản lý rà soát, đánh giá tính hợp lý, khả năng cách thức tổ chức lại để xây dựng phương án tái cơ cấu DNNN theo ngành, lĩnh vực kinh doanh, không phân biệt cấp, cơ quan quản lý, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và chỉ đạo thực hiện, phần đầu đến năm 2015 hoàn thành sắp xếp DNNN theo ngành, lĩnh vực. Cụ thể, Bộ Xây dựng xây dựng phương án tái cơ cấu DNNN hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất VLXD, cấp, thoát nước, môi trường đô thị.

Để chỉ đạo thực hiện được Phương án sắp xếp, đổi mới do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đối với các doanh nghiệp do Bộ làm chủ sở hữu phần vốn nhà nước, quản lý trực tiếp, Bộ sẽ tập trung chỉ đạo việc tiếp tục kiện toàn Ban Đổi mới phát triển doanh nghiệp Bộ và các tập đoàn, tổng công ty; thành lập cơ quan quản lý doanh nghiệp thuộc Bộ; chỉ đạo việc xây dựng chương trình, kế hoạch, biện pháp cụ thể để thực hiện. Trước mắt, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức hoạt động của các tổng công ty do Bộ làm chủ sở hữu phần vốn nhà nước, rà soát ngành nghề kinh doanh chính, ngành kinh doanh có liên quan để tập trung mọi nguồn vốn, điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển theo đúng định hướng chiến lược. Tập trung chỉ đạo các tổng công ty triển khai cổ phần hoá theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, giải quyết các tồn tại khi cổ phần hoá các DNNN.

Tổ chức chỉ đạo rà soát, tiến hành phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động và cơ cấu ngành kinh doanh hiện tại của tập đoàn, tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của ngành Xây dựng. Qua đó sẽ đề xuất với Thủ tướng Chính phủ chuyển vốn Nhà nước cho các tập đoàn, tổng công ty quản lý về những tổng công ty, doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh chính phù hợp như giải pháp của Ban Chỉ đạo Đổi mới doanh nghiệp của

Chính phủ đề ra.

Chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn ngành nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ngành đầu tư chiều sâu, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong sản xuất và quản lý. Qua đó đổi mới được phương pháp quản trị doanh nghiệp nhằm phù hợp với sự thay đổi công nghệ sản xuất.

Tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, VLXD, cấp, thoát nước, môi trường đô thị để xây dựng phương án sắp xếp các DNNN trong lĩnh vực này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp là công việc thường xuyên, lâu dài, cần sự kiên quyết, kiên trì và thận trọng. Để thực hiện được mục tiêu tái cơ cấu doanh nghiệp là cơ sở tạo nên diện mạo mới của nền kinh tế, Chính phủ cần tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, ban hành các cơ chế chính sách để người quản lý, điều hành doanh nghiệp phát huy tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động SXKD; đồng thời chủ sở hữu thực hiện được chức năng giám sát nhưng không can thiệp trực tiếp vào điều hành của doanh nghiệp; làm rõ việc phân công, phân cấp thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với DNNN theo hướng phân công quyền và nghĩa vụ cho các Bộ quản lý ngành; ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn Nhà nước; Quy chế hoạt

động của Kiểm soát viên; bổ sung các quy định về cổ phần hoá doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước phù hợp với thực tiễn, đặc biệt tạo chính sách thu hút được các cổ đông chiến lược trong và ngoài nước có tiềm năng về vốn, kinh nghiệm, quản lý tham gia đổi mới quản trị doanh nghiệp.

Nhằm thực hiện được phương hướng nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp Trung ương, kiến nghị Chính phủ sớm ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể để thực hiện việc sắp xếp lại DNNN theo ngành, lĩnh vực kinh doanh không phân biệt cấp, cơ quan quản lý; quy định việc chuyển nhượng vốn, chuyển giao vốn trong quá trình tái cơ cấu DNNN.

Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp cần thiết không chỉ đối với DNNN mà cả các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Bên cạnh sự cần thiết việc Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách, quy định tạo khung pháp lý và điều kiện cho các cơ quan, doanh nghiệp thực hiện; điều quan trọng là lãnh đạo doanh nghiệp, lãnh đạo các tổ chức trong doanh nghiệp phải xây dựng được chiến lược phát triển phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp, quyết tâm thực hiện nhằm đạt được mục tiêu chiến lược đó.

(Báo cáo của Ban đổi mới và PTĐN Bộ Xây dựng tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2012, ngày 06/1/2012 tại Hà Nội)

Thành phố Matxcova và vấn đề bảo vệ di tích lịch sử

Có câu nói rằng, ai không nhớ hay không muốn biết quá khứ cũng sẽ không thể nhận trọng trách xây dựng tương lai. Ai chưa từng đi qua các con phố của Matxcova, dù là đi bộ hay đi trên ô tô, từ lâu đã chắc chắn một điều rằng: trên các con phố với những ngôi biệt thự cổ kính có thể mắt thấy tai nghe những câu chuyện, những đề tài lịch sử. Còn tại những khu vực có các ngôi nhà cao chọc trời người ta lại chỉ muốn

"rút cổ" vào mà đi cho nhanh.

Taganka là một quận trung tâm của Matxcova. Nhiều năm trước đây, các con phố của Taganka còn lưu giữ được khoảng 85% bộ mặt của một khu phố thương gia, với những ngôi nhà 2 tầng xinh xắn. Song chỉ trong vòng 3-4 năm, toàn bộ những ngôi nhà tuyệt đẹp đó đã dần bị phá bỏ. Giờ đây, khắp nơi ở Taganka là những công trình xây bằng đá ốp lát chằng

theo một tiêu chuẩn thẩm mỹ nào, mà chỉ đơn thuần có giá trị về mặt kinh tế.

Đâu rồi Taganka của những ngày xưa! Người ta đã "sáng tạo" ra một Matxcova còn kinh khủng hơn cả những gì mà Napoleon đã từng làm. Đây chỉ là một phần rất nhỏ về đẹp của Matxcova đã bị tàn phá không thương tiếc.

Vào những năm 30 của thế kỷ XX, một loạt nhà thờ và tu viện lớn của thành phố đã bị hủy hoại: Nhà thờ Đấng Cứu thế bị phá bỏ năm 1931; tu viện cổ trên Quảng trường Pushkin bị phá năm 1937. Từ năm 1932, tại Matxcova ít nhất có 426 công trình là di sản thế giới, trong đó có cả những công trình kiến trúc thế kỷ XVII như nhà thờ Uspeni và nhà thờ Thánh Nikolai cũng đã bị phá hủy.

Tới cuối thập kỷ 60 - đầu thập kỷ 70, để thực hiện chủ trương của Chính quyền là mở rộng một số đường phố, xây dựng tại khu vực trung tâm các khu chung cư cũng như các trụ sở mới của cơ quan nhà nước, một số công trình đã bị dỡ bỏ. Trong số các công trình - di tích này có thể kể tới ngôi nhà của nhà thơ Khomiakov - di tích kiến trúc thế kỷ XIX; ngôi nhà trên phố Gruzinskaya Lớn, nơi các nhà thơ Gogol, L.Tolstoi đã từng sinh sống; ngôi nhà trên phố Tchekhov nơi đại thi hào Pushkin từng trú ngụ bị dỡ đi từ năm 1968; ngôi nhà của nhà văn nổi tiếng I.Turghenev... Trên thực tế, các công trình mang tính lịch sử trên phố Dmitrov (ngày nay là phố Bolshaya Iakimanka), Manezhnaya và nhiều đường phố khác hầu hết đã bị phá bỏ. Tại trung tâm lịch sử của thành phố, cụ thể là trên phố Bolshaya Iakimanka nhiều ngôi nhà cao tầng tường tấm panel đã xuất hiện.

Theo Nghị quyết của BCH TW Đảng Cộng sản Liên Xô ngày 25/6/1972 "Về việc xây dựng tại khu vực trung tâm thành phố Matxcova", việc phá bỏ toàn bộ các công trình mang tính lịch sử của thành phố - nằm trong khu vực từ quảng trường Manezh đến bể bơi "Matxcova", trong đó có cả ô phố với những ngôi nhà từ thế kỷ XVII -XIX, và thay vào đó là tòa nhà mới

của bảo tàng Lê nin - một khối trụ đồ sộ bằng bê tông và kính - đã được lên kế hoạch. Khi nhất trí với đồ án này, Chính quyền Matxcova thời kỳ đó đã đồng ý loại bỏ các công trình xây dựng cũ trong khu vực; và ngay đối diện với điện Kremli theo kế hoạch sẽ xây dựng một quận với những chung cư cao tầng theo tiêu chuẩn hiện đại. Từ cầu Đá tới cầu Moskvorechie các nhà thiết kế đã lên kế hoạch hợp nhất sông Matxcova và kênh đào Obvodnaya; và tại vị trí quảng trường Bolotnaya sẽ thiết kế một hồ chứa nước chính của khu vực Matxcova. Thực hiện quy hoạch này thực tế sẽ động chạm tới, thậm chí là hủy hoại trung tâm lịch sử của thành phố.

Những năm gần đây, tại Matxcova những tòa cao ốc văn phòng, các trung tâm văn hóa - thương mại mọc lên ngày càng nhiều, các tượng đài mới được dựng khắp nơi. Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, tại Matxcova đã có hơn 700 ngôi nhà mang tính lịch sử bị phá bỏ, trong đó có khách sạn Moskva, tòa nhà Voentyorg và một loạt các công trình kiến trúc tuyệt đẹp. Cũng trong thời gian này xuất hiện phong cách được gọi là phong cách "luzhkov" đậm dấu ấn của chủ nghĩa lịch sử, chủ nghĩa hậu hiện đại và chủ nghĩa chiết trung. Tuy nhiên các chuyên gia đánh giá phong cách kiến trúc như vậy chỉ "làm xấu hương vị" mà thôi.

Thông thường, các di tích kiến trúc và di tích lịch sử luôn được Nhà nước bảo vệ - vậy vấn đề gì có thể phát sinh trong lĩnh vực này? Các Ban bảo vệ di sản đã được thành lập. Tuy nhiên, Ban bảo vệ các công trình trong trung tâm lịch sử của thành phố hoạt động đã được 15 năm. Trong khoảng thời gian đó, Ban đã xem xét gần 4000 trường hợp, trong đó 3342 trường hợp các ngôi nhà có giá trị lịch sử nhưng trong diện giải tỏa Ban đã thông qua. Quyết định thường luôn bị chi phối bởi các cân nhắc đầy tính thực dụng, chứ không phải bởi lợi ích của việc bảo vệ di sản văn hóa của thành phố. Công việc tái thiết hoặc cải tạo các ngôi nhà này được bàn bạc

một cách thoải mái; và thay vì phục chế lại ngôi nhà lịch sử, một công trình mới mẻ hoàn toàn thường sẽ xuất hiện tiếp ngay sau đó. Việc này người dân Matxcova đã nhận ra từ lâu, và họ gọi các ủy ban này là "không thể chấp nhận được". Do đó, việc thành lập một Ủy ban mới trực thuộc Chính quyền thành phố Matxcova là rất cấp thiết; và Ủy ban này có chức năng xem xét tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động xây dựng đô thị trong phạm vi các khu danh thắng và các khu vực được bảo vệ của các công trình di sản văn hóa. Cơ cấu và quy chế hoạt động của Ủy ban này đã được phê duyệt ngày 4/10/2011. Hiện nay tại Matxcova đã có chính sách công khai của thành phố trong lĩnh vực bảo vệ di sản văn hóa và không gian lịch sử. Thành phố từ chối chi trả bằng ngân sách xây dựng (hình thành dựa trên nguồn vốn của các chủ đầu tư. Có nhiều thay đổi trong Luật Xây dựng đô thị (nơi xuất hiện khái niệm "sửa chữa cơ bản" và cắt nghĩa sự khác nhau giữa khái niệm này với khái niệm "tái thiết"). Chương trình "Văn hóa Matxcova", chương trình mục tiêu "Chương trình quốc gia về vấn đề bảo vệ, gìn giữ, sử dụng và phổ biến rộng rãi các công trình di sản văn hóa" đã được thông qua.

Những ưu tiên trong việc phổ biến các công trình di sản văn hóa cũng có nhiều thay đổi, bởi vì có nhiều công trình kiến trúc người dân không hiểu hết giá trị, ngoài ngày tháng dựng nên công trình đó. Điều này dường như không hợp lý: mọi người làm sao có thể bảo vệ và gìn giữ cái mà người ta không thể thấy? Tại Matxcova, trong năm 2011, có 12 ngôi nhà có giá trị về mặt lịch sử, kiến trúc đã bị dỡ bỏ. Matxcova từ nay không còn nhà thờ Hồi giáo Sbornaya (bị phá bỏ mà không được phép). Nhà thờ này được xây dựng năm 1904. Năm 2004 nhân dịp nhà thờ tròn 100 tuổi, công tác tu bổ đã được tiến hành. Lễ nào công tác này chỉ mang tính chất ngụ ý tạo? Nhà thờ tuy không đủ lớn để có thể chứa hết các tín đồ Hồi giáo, song đó hoàn toàn không phải là nguyên do để có thể phá bỏ

một công trình đậm tính lịch sử như vậy. Tại Moskva giờ đây thật khó tìm được địa điểm để xây nhà thờ Hồi giáo mới, vì các tín đồ phần lớn sinh sống ngoài đường vành đai Matxcova.

Không ai nắm rõ con số chính xác các công trình - di tích ở Nga. Song ai cũng biết rằng mỗi năm, Nga mất đi 110 - 115 công trình tầm cỡ quốc gia. Đó là con số được công bố chính thức. Các chuyên gia thì cho rằng, thực tế phải gấp đôi như vậy. Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới đã cho thấy: quốc gia nào trên thế giới cũng cần phải giữ gìn toàn bộ các di sản văn hóa. Do vậy, mỗi quốc gia đều cố gắng xây dựng những mô hình riêng tuy khác nhau về cơ cấu quản lý di sản, song lại có hiệu quả trong việc bảo vệ tài sản của mình.

Vương quốc Anh không quy định vai trò quản lý nhà nước đối với các công trình là di sản. Chức năng bảo vệ cơ bản do các tổ chức xã hội và chính quyền địa phương đảm nhận.

Tại Na Uy và Phần Lan, nhiệm vụ bảo vệ di sản do Bộ Môi trường thực hiện.

Tại Mỹ, vai trò của các tổ chức xã hội rất lớn. Tham gia lãnh đạo các tổ chức này không chỉ có các nhà hoạt động xã hội nổi tiếng, mà còn có cả các quan chức nhà nước cao cấp. Một điều rất thú vị là tại Mỹ còn có cả Hội những người bạn của các biệt thự Nga. Hội đang hoạt động hỗ trợ cho việc giữ gìn di sản văn hóa Nga, trong đó có cảnh quan của các khu biệt thự cổ thuộc lãnh địa khu bảo tàng - rừng cấm quốc gia Nga (các khu Iasnaya Poliana và Khmelita).

Tại Ý và Pháp, các Bộ chuyên trách vấn đề bảo vệ di sản được thành lập; còn Nhà nước là chủ thể chính để ra các chính sách về mặt văn hóa trong lĩnh vực này.

Tại châu Âu, lịch sử quốc gia là một báu vật đích thực. Ở Nga, lịch sử chỉ có giá trị tương đối, và giá trị này thường được thể hiện theo cách khác và thay đổi qua từng giai đoạn chính trị nhất định của đất nước, nói một cách khác - nhuộm màu kinh tế chính trị. Ở các nước

phương Tây, các biện pháp vừa mềm mỏng vừa cương quyết trong vấn đề bảo vệ di sản văn hóa được thi hành một cách triệt để. Ví dụ tại Anh: để được cấp phép thi công xây dựng trong khu vực lịch sử cần chi một số tiền khổng lồ, và cũng phải mất ít nhất một năm mới xin được phép. Ở đó, các di tích - tài sản quốc gia - có thể là phong cảnh làng quê, và nếu xâm phạm mà chưa được phép thì nhà xây dựng sẽ phải chịu phạt rất nặng. Còn ở Nga thì sao? Nga từ trước tới nay chưa hề có một tòa án, thậm chí một mức phạt nào dành cho việc phá dỡ các công trình - di tích. Còn ở Pháp, Anh và Ý, nhà nước tài trợ trực tiếp cho từng công trình lịch sử cụ thể do tư nhân quản lý, với một điều kiện, chủ nhân của các công trình này cần giải trình được tiền vốn của nhà nước được đầu tư cho những việc gì.

Trong những năm gần đây, trong điều kiện kinh tế thị trường - khi mà giá đất đai được ấn định bằng vị trí tương quan của nó đối với trung tâm của các khu dân cư lớn, hoặc đối với hệ thống đường giao thông - thì việc tàn phá các di tích kiến trúc và thay thế các di tích này bằng những "công trình mới" mới được nhìn nhận một cách nghiêm túc. Nguyên nhân thái độ đối xử với các di tích như vậy thì có nhiều, song nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ khao khát kiếm lợi nhuận một cách nhanh chóng. Điều này được giải thích bởi khủng hoảng toàn cầu về văn hóa - cuộc khủng hoảng cốt lõi của tất cả các cuộc khủng hoảng và phá hoại do con người gây ra. Trong thời điểm sóng gió hiện tại của nước Nga, người ta mới nhận ra một điều: không có sự thay đổi cách nhìn đối với văn hóa và nâng cao văn hóa thì không thể vượt qua mọi cuộc khủng hoảng khác.

Tuy nhiên, không thể không công nhận một điều: trong những năm gần đây đã xuất hiện những biến chuyển tích cực trong vấn đề bảo vệ di sản văn hóa tại Nga. Cách đây không lâu, lãnh đạo Ban Thanh tra nhà ở Matxcova, ông

V.Obedkov đã bị sa thải. Thị trưởng Matxcova, ông S. Sobjanin tuyên bố công khai: hoạt động bảo tồn trung tâm lịch sử của bộ máy thanh tra trước đây đã đem lại cho thành phố những tổn thất nghiêm trọng. "Thay vì gìn giữ những ngôi nhà cổ, bộ máy này suốt 15 năm chỉ lo phá dỡ các ngôi nhà đó. Matxcova đã mất đi 3.500 ngôi nhà trong trung tâm lịch sử - một con số đáng để chúng ta suy nghĩ".

Cũng cần chú ý thêm tới một sự kiện không kém phần quan trọng : Luật Di sản văn hóa đang được nghiên cứu thay đổi. Liên bang Nga đã thông qua Luật Liên bang về các công trình là di sản văn hóa, và một loạt văn bản tiêu chuẩn quy phạm của Chính phủ.

Tất cả những điều nói trên làm cho người dân Matxcova có quyền hy vọng rằng, cuối cùng thời kỳ vàng son sẽ quay trở lại, khi mà những vị khách du lịch phải trầm trồ thán phục vẻ đẹp của Matxcova. Một nhà văn đã từng viết về thành phố này trong những năm đầu thế kỷ XX: " Tôi đã đi nhiều nơi, đã thấy những thành phố xinh đẹp: Praha và Budapest để lại cho tôi những ấn tượng mạnh mẽ; song Matxcova quả thực là một điều kỳ diệu. Từ điện Kremli một vẻ đẹp mênh mông rực rỡ mở ra trước mắt bạn. Tôi chưa bao giờ hình dung được trên trái đất này lại có thành phố thứ 2 có nét đẹp như Matxcova: xung quanh bạn ánh lên sắc đỏ và vàng rực rỡ của những mái vòm nhà thờ. Đường như mọi thứ đều bị lu mờ trước một biển vàng sáng chói...".

Những công dân Nga suy nghĩ gì ? Không có nhiều thời gian để ước mơ và hy vọng. Cần bắt tay làm ngay mọi việc có thể để lịch sử không bị thời gian lấy đi.

V.Klimov

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 45

(11/11/2011)

ND: Lê Minh

LỄ PHÁT ĐỘNG TẾT TRỒNG CÂY XUÂN NHÂM THÌN 2012 VÀ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ ĐẶNG XÁ II

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Thảo trồng cây lưu niệm tại Dự án Khu đô thị Đặng Xá II